



Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam
Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN	
TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 13754
	Ngày 20 tháng 4 năm 12



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2011

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 4/2012



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011

I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ TỔNG CÔNG TY

- ✓ Tên doanh nghiệp: **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ**
- ✓ Tên giao dịch: **PETROVIETNAM TRANSPORTATION CORPORATION**
- ✓ Tên viết tắt: **PV TRANS**
- ✓ Địa chỉ trụ sở chính: **Tầng 4, toà nhà H3, số 384 Hoàng Diệu, P.6, Q.4, Tp. Hồ Chí Minh**
- ✓ Điện thoại: **(84-8) 39111301** Fax: **(84-8) 39111300**
- ✓ Email: **info@pvtrans.com**
- ✓ Website: **www.pvtrans.vn**
- ✓ Mã chứng khoán: **PVT**
- ✓ Vốn điều lệ (tính đến 31/12/2011): **2.326.000.000.000 đồng** (Hai nghìn ba trăm hai mươi sáu tỷ đồng).

II. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Những sự kiện quan trọng

✦ **Việc thành lập**

Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (tiên thân là Công ty Vận tải Dầu khí) là doanh nghiệp Nhà nước, đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, được thành lập vào ngày 27/05/2002 theo quyết định số 358/QĐ-VPCP của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

✦ **Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần**

Sau gần 5 năm hoạt động theo mô hình doanh nghiệp Nhà nước, Công ty đã tiến hành quá trình cổ phần hóa từ tháng 03/2006 theo quyết định số 758/QĐ-BCN ngày 30/03/2006 của Bộ Công nghiệp và chính thức chuyển đổi thành Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí kể từ ngày 23/07/2007 (theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006624 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh).

✦ **Niêm yết**

Ngày 10/12/2007, Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PV Trans) đã chính thức niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là PVT.

2. Quá trình phát triển

✦ **Ngành nghề kinh doanh**

- Kinh doanh vận tải dầu thô, các sản phẩm dầu khí;
- Tham gia đào tạo và cung ứng thuyền viên cho các tàu vận tải dầu khí,
- Thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác với các đối tác trong và ngoài nước,
 - Kinh doanh dịch vụ môi giới tàu biển, đại lý hàng hải, cung ứng tàu biển, dịch vụ sửa chữa tàu biển và dịch vụ hàng hải khác,
 - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, đường thủy nội địa,
 - Dịch vụ giao nhận hàng hóa;
 - Kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế;
 - Dịch vụ quản lý bất động sản,
 - Xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng, dầu khí,
 - Dịch vụ kỹ thuật dầu khí,
 - Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt công trình ngầm dầu khí,
 - Sản xuất và mua bán nước khoáng, nước uống tinh khiết (không sản xuất nước khoáng tại trụ sở),
 - Mua bán vật tư, trang thiết bị phục vụ cho ngành dầu khí và vận tải.
 - Dịch vụ sửa chữa, đóng mới tàu biển và các công trình dầu khí, phá dỡ tàu cũ.
 - Dịch vụ đại lý hàng hải.
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển và viễn dương: hoạt động của cảng biển, bến tàu, cầu tàu.
 - Bốc xếp hàng hóa cảng biển.
 - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản),
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan.

✦ **Tình hình hoạt động**

Hoạt động sản xuất kinh doanh:

Dịch vụ vận tải:

Trong năm 2011, PV Trans tiếp tục khai thác an toàn đội tàu vận tải dầu thô, tàu sản phẩm dầu và đội tàu chở khí hóa lỏng LPG (tổng cộng của toàn Tổng công ty hiện có là 16 chiếc). Với lực lượng đội tàu đó, cùng với việc là đầu mối thu xếp, hợp tác với các công ty bên ngoài, PV Trans đã đảm nhiệm tốt vai trò vận chuyển dầu thô, dầu sản phẩm, LPG... cho Nhà máy lọc dầu Dung Quất, và góp phần đảm bảo hoạt động liên tục ổn định của Nhà máy.

Ngoài việc phục vụ cho thị trường vận tải nội địa, PV Trans đã chủ động đưa 5 - 6 tàu ra hoạt động tại thị trường quốc tế, tập trung nâng cao tình trạng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quốc tế để đưa vào hoạt động trong pool hoặc cho thuê Time Charter, nên hiệu quả khai thác của các tàu này luôn đạt cao hơn 20 - 30% so với trung bình của thị trường và cao hơn khoảng 40% so với năm 2010.

Duy trì ổn định hoạt động vận tải đường bộ bao gồm đội xe taxi sử dụng nhiên

liệu sạch LPG/CNG, đội xe bồn vận chuyển xăng dầu/LPG và đội xe container của các đơn vị thành viên. Năng suất và hiệu quả kinh doanh khai thác trên từng loại phương tiện có chiều hướng tốt lên so với trước.

Doanh thu từ dịch vụ vận tải ước đạt 2.561 tỷ đồng, tương đương 100% kế hoạch, tăng 2% so với cùng kỳ năm 2010.

Dịch vụ kho nổi chứa dầu (FSO/FPSO):

- Dịch vụ tàu FPSO/FSO cũng đã được triển khai và phát triển. Trong năm 2011, PV Trans tiếp tục quản lý vận hành an toàn và hiệu quả tàu FSO Kamari cho mỏ Đại Hùng, góp phần vào hoạt động an toàn và ổn định của mỏ. Đặc biệt vào tháng 06/2011, tàu Kamari đã đón dòng dầu đầu tiên tại mỏ Đại Hùng 2 và đưa sản lượng khai thác tại mỏ này từ 4.000 - 5.000 thùng/ngày lên đến 14.000 - 15.000 thùng/ngày.

Trong năm qua, PV Trans cũng đang tích cực hợp tác với đối tác Emas Offshore Contruction and Production Pte.Ltd (EOCP) để triển khai dự án hoán cải và chuẩn bị quản lý vận hành tàu FPSO mỏ Chim Sáo và tàu Lewek Emas đã được đưa về Việt Nam và phục vụ cho dòng dầu đầu tiên (first oil) vào ngày 10/10/2011. Đây là con tàu có công nghệ khai thác hiện đại bậc nhất Việt Nam hiện nay và PV Trans hiện đang đóng vai trò chính trong công tác quản lý vận hành tàu FPSO này với hơn 90% số nhân sự trên tàu và trên bờ do PV Trans cung cấp. Hệ thống quản lý tàu cũng được khách hàng Premier Oil kiểm tra, chấp thuận và đánh giá cao. Hiện tàu đang khai thác sản lượng dầu khá lớn khoảng 30.000 - 36.000 thùng/ngày. Như vậy, với sản lượng khai thác của cả 2 tàu FSO/FPSO do PV Trans quản lý vận hành tại cả 2 mỏ là khoảng gần 50.000 thùng/ngày, tương đương 1,6 triệu tấn dầu/năm, chiếm khoảng 10% sản lượng khai thác của Tập đoàn năm 2012.

Doanh thu của dịch vụ FSO/FPSO năm 2011 đạt 210 tỷ đồng, tương đương 111% kế hoạch năm và tăng 14% so với thực hiện năm 2010.

Trong năm qua, được sự ủng hộ của Công ty Mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt nam, PV Trans cũng đã chủ động hợp tác với đối tác để tham gia đấu thầu cung cấp FPSO cho dự án của Lam Sơn JOC và đã cùng nhà thầu Fred Olsen trúng thầu, sử dụng tàu Poseidon M để làm công tác hoán cải. Việc này đã làm giảm áp lực gánh nặng tài chính, trong bối cảnh tình hình thị trường vận tải còn nhiều khó khăn và phải tiếp nhận tàu 104.000 DWT do Tập đoàn Dầu khí Việt nam giao làm chủ đầu tư.

Dịch vụ thương mại và dịch vụ khác:

Trong năm 2011, PV Trans đã tích cực xây dựng và mở rộng các dịch vụ đại lý hàng hải, dịch vụ kinh doanh thương mại, cung cấp vật tư thiết bị hàng hải, dầu khí, các hợp đồng kinh doanh cung cấp LPG, xăng dầu, phân đạm... để tạo nguồn thu và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. PV Trans hiện đảm nhận phần lớn công tác đại lý hàng hải cho các tàu dầu thô và sản phẩm dầu tại Dung Quất và Bạch Hổ. Bên cạnh đó, PV Trans cũng đã và đang cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng rời, vận chuyển propylen, các hóa phẩm... cho các đơn vị trong ngành như DMC, Petrosetco, Đạm Phú Mỹ...PV Trans cũng đã làm việc chặt chẽ với PVFCCo, Công ty Đạm Cà Mau để xây dựng phương án và đã ký hợp đồng nguyên tắc đảm nhận vận chuyển 50% khối lượng đạm Cà Mau, sau khi nhà máy có sản phẩm; tiến hành khảo sát, xây dựng phương án vận chuyển than cho các nhà máy nhiệt điện của Tập đoàn, mà trước mắt là Nhà máy Nhiệt điện Long Phú I.

Doanh thu các dịch vụ kinh doanh thương mại trong năm 2011 đạt 1.122 tỷ đồng, tương đương 170% kế hoạch năm, tăng 48% so với thực hiện năm 2010. Doanh thu dịch đại lý hàng hải và dịch vụ khác đạt 264 tỷ đồng, tương đương 377% kế hoạch năm, tăng 177% so với thực hiện năm 2010.

3. Định hướng phát triển

✦ Các mục tiêu chủ yếu của PV Trans

- Xây dựng và Phát triển PV Trans trở thành một Tổng công ty vận tải dầu khí, dịch vụ hàng hải dầu khí đa sở hữu lớn nhất Việt Nam và PV Trans trở thành thương hiệu mạnh trong khu vực, mở rộng lĩnh vực hoạt động trong nước và quốc tế.

- Về doanh thu: phấn đấu đạt 600 triệu USD vào năm 2015 và tăng trưởng ổn định 10% - 15%/ năm, đạt 2 tỷ USD vào năm 2025.

- Về lợi nhuận: phấn đấu đạt lợi nhuận 50 triệu USD vào năm 2015 và đảm bảo lợi nhuận 10%/vốn trong giai đoạn 2016 - 2025.

- Về thị trường: đảm bảo vận chuyển 100% dầu thô cho các NMLD của Việt Nam. Đảm bảo vận chuyển 100% than nhiên liệu dầu vào cho các Nhà máy nhiệt điện do Tập đoàn đầu tư. Đảm bảo vận chuyển 100% các sản phẩm dầu khí sản xuất từ các NMLD do các đơn vị trong Tập đoàn kinh doanh và phân phối. Đóng vai trò chủ đạo trong công tác vận tải phân đạm và hóa phẩm dầu khí do các đơn vị trong Tập đoàn sản xuất và tiêu thụ.

- Về đầu tư đội tàu: phát triển đội tàu vận tải theo hướng trẻ hóa và hiện đại hóa có cơ cấu hợp lý.

- Đảm bảo quyền lợi và điều kiện làm việc tốt cho người lao động. Thu nhập của người lao động tăng, năm sau cao hơn năm trước và đóng góp tích cực cho cộng đồng và xã hội.

- Đảm bảo kinh doanh hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn. Đảm bảo lợi ích tối đa của cổ đông.

✦ Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Trong giai đoạn 2011 - 2015, PV Trans tiếp tục thực hiện mục tiêu hoạt động đa ngành với kinh doanh vận tải dầu khí, vận tải than cho các nhà máy nhiệt điện và vận tải hàng rời là chủ yếu.

- Xây dựng và phát triển đội tàu hiện đại đạt tiêu chuẩn quốc tế về kỹ thuật và an toàn để phục vụ thị trường trong nước là vận tải dầu thô và sản phẩm dầu khí cho các NMLD của Tập đoàn (NMLD Dung Quất, LHLHD Nghi Sơn, NMLD Long Sơn). PV Trans sẽ tập trung đầu tư vào 04 đội tàu chính bao gồm: Đội tàu vận tải dầu thô; Đội tàu vận tải sản phẩm dầu; Đội tàu vận tải sản phẩm khí; Đội tàu vận tải hàng rời.

- PV Trans sẽ tiếp tục duy trì các dịch vụ hàng hải dầu khí: Trong năm 2011 sẽ tham gia cung cấp một phần dịch vụ vận hành và bảo dưỡng tàu chứa và xử lý dầu thô FPSO cho mỏ Chim Sáo và Dừa và theo lộ trình trong năm 2012 sẽ đứng ra đảm nhiệm toàn bộ phần vận hành và bảo dưỡng con tàu này.

- Đa dạng hóa các loại hình dịch vụ khác có thể mạnh và kinh nghiệm như dịch

vụ đại lý hàng hải, dịch vụ vận tải hành khách và hàng hóa bằng đường bộ, vận tải taxi dùng nhiên liệu sạch LPG/CNG, kinh doanh LPG, đại lý kinh doanh xăng dầu, xuất nhập khẩu hàng hóa và cung cấp vật tư thiết bị hàng hải.

III. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Những nét nổi bật của hoạt động trong năm

- Tình hình kinh tế thế giới năm 2011 vẫn tiếp tục trong tình trạng khủng hoảng và đã tác động một cách mạnh mẽ, trực tiếp đến các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp vận tải biển nói riêng. Mức cước vận tải quốc tế của cả tàu vận tải dầu thô và tàu vận tải sản phẩm dầu vẫn ở mức rất thấp. Cước phí vận tải quốc tế năm 2011 thấp hơn khoảng 20% so với năm 2010 và do đó đã kéo theo việc giảm giá cước vận chuyển trong nước.

- Tình trạng lạm phát tăng cao đã làm tăng chi phí hoạt động của đội tàu như chi phí thuyền viên, chi phí sửa chữa bảo dưỡng, vật tư... . Đồng thời, việc Nhà nước đã hai lần điều chỉnh giá bán nhiên liệu (FO) đã làm tăng chi phí sản xuất - kinh doanh của Tổng công ty PVTrans.

- Với phần lớn các tàu chạy tuyến nội địa, nguồn thu cước vận chuyển chủ yếu bằng tiền VNĐ tính theo tỷ giá ngân hàng; trong khi đó, các chi phí về vật tư phụ tùng, thuyền viên nước ngoài, nợ vay, lãi vay... chủ yếu bằng đồng USD. Vì vậy, việc biến động tỷ giá gần 10% trong năm 2011 đã ảnh hưởng lớn đến kết quả sản xuất - kinh doanh.

- Nhà máy lọc dầu Dung Quất ngừng hoạt động 2 tháng để bảo dưỡng nên đội tàu Tổng công ty phải hoạt động trên thị trường quốc tế với giá cước thấp.

- Các dự án đầu tư đóng tàu tại Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất tiếp tục bị kéo dài, gây phát sinh chi phí, ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư.

- Dự án góp vốn kho nổi chứa dầu FSO5 là một dự án có nguồn doanh thu và lợi nhuận ổn định nhưng do những lý do khách quan (Tàu FSO5 đã được bán toàn bộ cho XNLD "Vietsovetro") nên đã không được thực hiện.

Như vậy có thể nói năm 2011 là một năm còn nhiều khó khăn với PV Trans nói riêng và lĩnh vực vận tải biển nói chung.

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Đơn vị tính : tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2011	Thực hiện năm 2011	
			Giá trị	% TH/KH
1	Tổng doanh thu	4.300,0	4.475,2	104,1%
2	Lợi nhuận thực hiện trước thuế	42,0	65,7	156,3%

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2011	Thực hiện năm 2011	
			Giá trị	% TH/KH
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	38,0	22,4	58,9%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	4,0	43,3	1.081,8%
4.1	Lợi ích của cổ đông thiểu số	1,7	18,0	1.045,8%
4.2	Lợi nhuận chưa phân phối của Cty mẹ	2,38	25,3	1.109,0%

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm 2011

Công tác đầu tư và xây dựng cơ bản:

Trong năm 2011, PV Trans đã thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Chính phủ về việc dừng và cắt giảm các dự án đầu tư, chỉ triển khai đầu tư các dự án đang dở dang là dự án đóng tàu 104.000 DWT và 105.000 DWT. Giá trị thực hiện đầu tư đạt 1.050,4 tỷ đồng, tương đương 59% so với kế hoạch; giá trị giải ngân là 320,8 tỷ đồng, tương đương 18% so với kế hoạch năm 2011, trong đó: vốn chủ sở hữu là 0,96 tỷ đồng, vốn vay và khác là 319,8 tỷ đồng.

Giá trị thực hiện đầu tư và giải ngân trong kỳ đạt thấp so với kế hoạch đề ra. Nguyên nhân cơ bản là do 02 dự án trọng điểm, chiếm tỷ trọng lớn, không được triển khai theo đúng kế hoạch: dự án góp vốn thành lập Công ty sở hữu tàu FSO5 (tổng mức đầu tư 612 tỷ đồng) không được triển khai theo đúng kế hoạch và Dự án đóng mới tàu vận tải dầu thô loại 104.000 DWT, nhà thầu là Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất (DQS) triển khai chậm và không đúng với tiến độ ban đầu. Dự kiến tàu 104.000 DWT sẽ được DQS bàn giao cho PV Trans vào cuối tháng 05/2012.

Tại các đơn vị thành viên, PV Trans triển khai một số dự án trọng điểm đó là Dự án đóng mới tàu vận tải dầu thô trọng tải 105.000 DWT tại DQS, dự kiến hoàn thành bàn giao tàu vào tháng 12/2012 và Dự án nhận chuyển giao xe văn phòng từ các đơn vị trong ngành theo chủ trương của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam được bắt đầu thực hiện từ quý II năm 2011.

Công tác tái cấu trúc và đổi mới doanh nghiệp:

Trong năm 2011, PV Trans đã tiến hành xử lý các công nợ tồn đọng, xử lý tài sản, giải quyết chế độ cho người lao động để chuẩn bị giải thể Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Dung Quất - Vinashin (đơn vị được tiếp nhận từ Vinashin theo chỉ đạo của Chính phủ).

PV Trans đã hoàn thành công tác bàn giao quyền quản lý dự án đầu tư xây dựng Cảng quốc tế PV Trans tại Khu kinh tế Dung Quất cho Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC) vào ngày 25/06/2011.

PV Trans đã phối hợp với PTSC hoàn thành các thủ tục đăng ký kinh doanh và đưa Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC (PPS) vào hoạt động chính thức từ ngày 01/04/2011.

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Cửu Long (PV Trans PCT) đã hoàn thành việc niêm yết cổ phiếu trên sàn HNX vào ngày 12/09/2011. Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (Gas Shipping) đã nhận được Quyết định chấp thuận niêm yết của HOSE vào ngày 20/12/2011. Tuy nhiên, do thị trường chứng khoán trong thời điểm đó chưa thuận lợi nên Công ty đã lùi thời điểm niêm yết sang quý I năm 2012 và đã chính thức niêm yết trên sàn HOSE vào ngày 09/03/2012.

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

Đặc điểm tình hình:

Với dự báo nền kinh tế thế giới năm 2012 chưa thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế cộng thêm cuộc khủng hoảng nợ công của các nước trong khu vực đồng tiền chung Châu Âu nên khả năng phục hồi yếu. Điều này tiếp tục tác động xấu đến thị trường vận tải quốc tế.

Tăng trưởng kinh tế trong nước năm 2012 được dự báo ở mức 5,6 - 6,5%. Chính sách kiềm chế lạm phát của Chính phủ bắt đầu phát huy tác dụng dự báo sẽ kéo tỷ lệ lạm phát giảm xuống còn khoảng 10%. Tuy nhiên, chính sách và thị trường tài chính - tiền tệ trong năm 2012 dự báo có nhiều biến động; việc biến động tỷ giá năm 2012 dự kiến sẽ làm tăng thêm chi phí chênh lệch tỷ giá các khoản nợ gốc dài hạn.

Theo kế hoạch, tàu vận chuyển dầu thô 104.000 DWT đóng tại Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất sẽ được bàn giao cho PV Trans vào cuối tháng 05/2012.

Những giải pháp đồng bộ trong quản lý, mở rộng thị trường mà Tổng công ty và các đơn vị thành viên đã triển khai trong năm 2011 sẽ tiếp tục phát huy tác dụng trong năm 2012. Tuy nhiên, Tổng công ty vẫn phải tiếp tục quan tâm, hỗ trợ một số đơn vị thành viên trong hoạt động quản lý, điều hành.

Nhìn chung, năm 2012 là một năm vẫn còn rất nhiều khó khăn đối với hoạt động của các doanh nghiệp trong nước, kể cả Tổng công ty PV Trans.

Mục tiêu:

Với các đặc điểm tình hình trên, và phù hợp với chiến lược phát triển dài hạn của mình, các mục tiêu nhiệm vụ cơ bản được Tổng công ty đề ra trong năm 2012 gồm:

- Chỉ đạo hoàn thành nhiệm vụ sản xuất – kinh doanh năm 2012 với các chỉ tiêu chính:

- + **Doanh thu: 4.115 tỷ đồng;**
- + **Lợi nhuận trước thuế: 108 tỷ đồng;**
- + **Lợi nhuận sau thuế: 84,1 tỷ đồng;**
- + **Nộp ngân sách Nhà nước: 110,0 tỷ đồng.**

Trong đó các chỉ tiêu của Công ty Mẹ – Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí:

- + **Doanh thu: 1.732 tỷ đồng;**
- + **Lợi nhuận trước thuế: 37,5 tỷ đồng;**
- + **Lợi nhuận sau thuế: 35,6 tỷ đồng;**

+ **Nộp ngân sách Nhà nước: 40 tỷ đồng.**

- Tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng hệ thống quản lý – điều hành, đặc biệt là rà soát, hoàn thiện các quy chế, quy định, quy trình, định mức; hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tái cấu trúc những đơn vị thành viên kinh doanh chưa hiệu quả; nâng cao chất lượng dịch vụ thỏa mãn yêu cầu của khách hàng.

- Tích cực tiến hành các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí.

- Chú trọng hơn nữa công tác đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nội bộ.

- Tiếp tục triển khai xây dựng văn hóa doanh nghiệp với chủ đề chính của năm 2012 là tăng cường “**Kỷ cương**”, trong đó chủ yếu là tuân thủ các quy định về pháp lý, quy định của cấp trên và các quy định, thủ tục nội bộ (Nội quy, quy chế, quy trình, chương trình hành động, kế hoạch, nghị quyết, chỉ thị...).

- Luôn luôn quan tâm cải thiện và nâng cao đời sống vật chất-tinh thần của CBCNV trong Tổng công ty.

Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2012	
			Hợp nhất	Công ty mẹ
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	2.326,0	2.326,0
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	4.115,0	1732,0
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	108,0	37,5
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	84,1	35,6
5	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	110,0	40,0

IV. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo tình hình tài chính

✦ **Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán**

Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2011 của PV Trans phản ánh một số chỉ tiêu về khả năng sinh lời và khả năng thanh toán như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2010	Năm 2011	So sánh 2011/2010
1. Cơ cấu tài sản:				
- Tài sản cố định / Tổng tài sản	%	64,66	59,04	(5,62)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2010	Năm 2011	So sánh 2011/2010
- Tài sản lưu động / Tổng tài sản	%	31,90	36,37	4,47
2. Cơ cấu nguồn vốn:				
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	59,94	62,68	2,74
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	30,18	28,33	(1,85)
3. Khả năng thanh toán:				
- Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,55	1,83	0,28
- Khả năng thanh toán nhanh	lần	1,68	1,93	0,26
4. Tỷ suất lợi nhuận:				
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Tổng tài sản	%	0,79	0,82	0,02
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	1,10	1,04	(0,06)
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn CSH	%	1,67	1,86	0,19

✦ Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh

Cơ cấu tài sản :

- Số liệu trên cho thấy cơ cấu tài sản của Tổng Công ty trong năm có thay đổi không đáng kể so với tổng tài sản (Tài sản cố định tăng 63 tỷ tổng tài sản so với năm trước), giá trị khấu hao trong năm tương đương 407 tỷ đồng ~ 8%/Tài sản cố định làm cho cơ cấu này giảm 5,62%/Tổng tài sản.

- Sự biến động tài sản lưu động trong cơ cấu này tăng 4,47% là do khoản nợ phải thu khách hàng tăng + 475 tỷ đồng (công nợ này là khoản nợ phát sinh tại thời điểm). Riêng khoản mục Tiền và tương đương tiền giảm - 278 tỷ đồng nhưng khoản mục Các khoản đầu tư tài chính tăng + 282 tỷ đồng.

Cơ cấu nguồn vốn:

- Nợ phải trả trên tổng nguồn vốn năm 2011 so với năm 2010 tăng + 2,74% ~380 tỷ đồng với nguyên nhân chủ yếu là nhận nợ vay từ Tổ chức tín dụng cho dự án vay đóng tàu khoản 285 tỷ đồng và khoản vay vốn lưu động 50 tỷ (khoản này là phát sinh tại thời điểm).

- Cơ cấu Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn giảm + 1,85% chủ yếu là do năm 2011 biến động tăng chênh lệch tỷ giá cho các khoản nợ dài hạn chưa phân bổ khoảng 86,6 tỷ đồng .

Khả năng thanh toán:

- Qua các chỉ số thanh toán nhanh, hiện hành cho thấy tổng quát tình hình tài chính của PV Trans là đạt yêu cầu, có độ an toàn. Điều này đo lường khả năng của một công ty trong việc chi trả các khoản nợ ngắn hạn bằng những tài sản có tính thanh khoản nhất và cho thấy mức độ an toàn của công ty trong việc đáp ứng nhu cầu thanh toán các khoản nợ ngắn hạn.

Tỷ suất lợi nhuận:

- Cơ cấu Tỷ suất lợi nhuận so sánh với Tổng tài sản hoặc nguồn vốn chỉ đạt ~1% là do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế chung toàn cầu, cước phí vận tải biển đang ở mức thấp, đặc biệt trong lĩnh vực vận tải sản phẩm dầu. Vì vậy lợi nhuận của PV Trans tăng so với thực hiện năm 2010 ~ 4 tỷ đồng, so với kế hoạch năm 2011 tăng 39 tỷ đồng.

✦ **Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo:** (xem chi tiết đính kèm)

✦ **Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp:** (xem chi tiết báo cáo tài chính đính kèm)

✦ **Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...):** 232.600.000 cổ phiếu thường.

✦ **Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...):** Không có

✦ **Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:** 232.600.000 cổ phần phổ thông.

✦ **Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại (nếu có):** Không có

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

✦ **Đánh giá kết quả đạt được**

PV Trans đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu về doanh thu và về tổng thể Tổng công ty vẫn đảm bảo kinh doanh có lãi tuy nhiên các chỉ tiêu về lợi nhuận chưa đạt được kế hoạch đề ra .

✦ **Đánh giá kết quả đạt được**

- **Doanh thu** 4.475,2 tỷ đồng/4.300 tỷ đồng tương đương 104% kế hoạch năm 2011, tăng 20% so với doanh thu thực hiện năm 2010. Chỉ tiêu doanh thu đạt vượt mức so với kế hoạch là do PV Trans đã đẩy mạnh các dịch vụ vận tải (vượt 5% so với kế hoạch) và các đơn vị thành viên đã tăng cường hoạt động kinh doanh thương mại, kinh doanh xăng dầu và LPG (vượt 136% so với kế hoạch), tất cả các hoạt động này đã góp phần làm tăng doanh thu của PV Trans.

- **Lợi nhuận trước thuế** đạt 65,7 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 43,3 tỷ đồng so với kế hoạch năm 2011 lợi nhuận trước thuế là 42,0 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế là 4,0 tỷ đồng.

- **Nộp ngân sách Nhà nước** đạt 209,3 tỷ đồng, tương đương 170% kế hoạch 2011. Hoạt động kinh doanh của công ty mẹ và một số công ty con có lãi đã mang lại một phần tài chính nộp ngân sách Nhà nước. Ngoài ra do các hoạt động thương mại được mở rộng và tăng cường cũng đã đem lại phần đóng góp về thuế VAT cho ngân sách Nhà nước.

✦ **Các chỉ tiêu kế hoạch đã thực hiện**

- Kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty trong năm 2011 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2010	Kế hoạch năm 2011	Thực hiện năm 2011	So sánh	
					Với KH năm 2011	Với TH năm 2010
1	Tổng doanh thu	3.734,0	4.300,0	4.475,2	104%	120%
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	61,6	42,0	65,7	156%	107%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	38,9	4,0	43,3	1.082%	111%
3,1	Lợi ích của cổ đông thiểu số	(36,2)	1,7	18,0	1.046%	50%
3,2	Lợi nhuận của cổ đông Cty mẹ	75,1	2,3	25,3	1.109%	34%
4	Tổng số thuế và các khoản khác phát sinh phải nộp NSNN	182,8	123,0	209,3	170%	115%

3. Những tiến bộ Công ty đã đạt được

✦ Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Nhận thức được công tác quản lý của Tổng công ty trong thời gian qua còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu của mô hình và quy mô của đơn vị, trong năm 2011, PV Trans đã tập trung mạnh vào việc rà soát, chấn chỉnh và hoàn thiện công tác quản lý theo hướng thiết thực, gắn được trách nhiệm cá nhân, tập thể với từng công việc. Việc chấn chỉnh công tác quản lý bao gồm: ban hành và thiết lập lại các quy chế, quy định về hao hụt nhiên liệu, tiêu hao nhiên liệu, các định mức ngân sách quản lý tàu, ngân sách hoạt động cho từng đơn vị; xây dựng và triển khai các công tác quản lý tài chính, quản lý dòng tiền, cơ chế kiểm tra giám sát chặt chẽ; rà soát và chấn chỉnh các hoạt động đầu tư, kinh doanh thương mại...

Tổng công ty cũng thường xuyên tiến hành kiểm tra công tác quản lý tại các đơn vị thành viên, kịp thời chấn chỉnh các thiếu sót tồn tại trong quản lý điều hành của đơn vị cũng như có các biện pháp hỗ trợ kịp thời, giúp các đơn vị tháo gỡ khó khăn, vươn lên trong sản xuất. Nhờ đó, công tác quản lý của Tổng công ty đã có nhiều chuyển biến, góp phần tích cực vào việc nâng cao hiệu quả sản xuất - kinh doanh.

Trong năm 2011, Tổng công ty đã tập trung tìm kiếm các giải pháp đột phá nguồn nhân lực. Số lao động bình quân trong năm 2011 là 2.208 người, tăng 74 người so với năm 2010. Trong năm, PV Trans đã thực hiện đào tạo được 1.433 lượt người, tương đương 76% kế hoạch với kinh phí đào tạo khoảng 3,72 tỷ đồng.

Trong năm 2011, PV Trans đã tiến hành kiện toàn và điều chỉnh cơ cấu tổ chức tại văn phòng Tổng công ty và các đơn vị thành viên, thành lập Chi nhánh Tổng công ty - Công ty Dịch vụ Quản lý tàu (PSM) nhằm đảm bảo công tác quản lý kỹ thuật tại đơn vị đi vào ổn định, chuyên nghiệp. Đã tự quản lý tàu PVT Sea Lion lấy được Chứng chỉ của các Công ty Dầu lớn (Oil Majors) hoạt động tuyến quốc tế. Từ ngày 01/01/2012, sẽ tự tiếp nhận quản lý kỹ thuật toàn bộ tàu Poseidon M và Hercules M mà không thuê dịch

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

vụ quản lý kỹ thuật của Công ty Wallem, nhằm tiết giảm chi phí trong bối cảnh thị trường còn nhiều khó khăn.

Các biện pháp kiểm soát

- PV Trans đã quản lý chặt chẽ các khoản chi phí nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Xây dựng các quy trình kiểm soát nội bộ, xây dựng hoàn thiện hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 và chuẩn bị áp dụng hệ thống quản lý an toàn hàng hải quốc tế theo ISM code.
- Các nguồn vốn đã được cơ cấu lại một cách hợp lý để giảm đến mức thấp nhất chi phí vốn vay.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012:

- Doanh thu: 4.115 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 108 tỷ đồng
- Nộp ngân sách Nhà nước: 110 tỷ đồng

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán (đính kèm).

I.Công ty mẹ	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế
1. Công ty mẹ	2.449.349.526.033	41.811.518.300
Cộng	2.449.349.526.033	41.811.518.300
II. Các công ty con	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế
1. Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	139.193.141.863	1.738.567.659
2. Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	158.766.171.354	4.516.349.598
3. Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	399.188.930.466	3.474.646.468
4. Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	442.765.017.758	504.680.043
5. Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	719.174.015.854	65.204.207.491
6. Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	484.923.902.232	269.072.604
7. Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	341.102.020.930	(7.833.307.453)
8. Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	589.455.207.787	3.066.042.912
9. Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Quảng		

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Ngãi	108.787.655.644	2.706.582.544
Cộng	3.383.356.063.888	73.646.841.866
III. Các công ty liên doanh, liên kết	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế
1. Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí	392.480.414.539	34.765.571.398
Cộng	392.480.414.539	34.765.571.398

VI. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

1. Kiểm toán độc lập:

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
- Ý kiến kiểm toán độc lập : có đính kèm.
- Các nhận xét đặc biệt (thư quản lý): Không có

2. Kiểm toán nội bộ : Không có

VII. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

1. Các Công ty mà PV Trans nắm giữ từ 50% vốn cổ phần/vốn góp trở lên

1.1 Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội (PV Trans Hà Nội) - PV Trans nắm 97,25% vốn điều lệ.

1.2 Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu (PV Trans Vũng Tàu) - PV Trans nắm 95% vốn điều lệ.

1.3 Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi (PV Trans Quảng Ngãi) - PV Trans nắm 95% vốn điều lệ.

1.4 Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (Gas Shipping) - PV Trans nắm 67,74% vốn điều lệ.

1.5 Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (PV Trans Pacific) - PV Trans nắm 64,92% vốn điều lệ.

1.6 Công ty Cổ phần Vận tải dầu Phương Đông Việt (PV Oil Shipping) - PV Trans nắm 54,27% vốn điều lệ.

1.7 Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam (Southern PetroTrans) - PV Trans nắm 53,75% vốn điều lệ.

1.8 Công ty TNHH PV Trans - Emas (PV Tec) - PV Trans nắm 50% vốn điều lệ.

2. Các Công ty mà PV Trans nắm dưới 50% vốn cổ phần/vốn góp

2.1 Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (PV Trans PTT) - PV Trans nắm 38,67% vốn điều lệ.

2.2 Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Cửu Long (PV Trans PCT) - PV Trans nắm 22,63% vốn điều lệ.

2.3 Công ty Liên doanh PV Keez - PV Trans nắm 2,20% vốn điều lệ (vốn điều lệ 150 triệu USD).

2.4 Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC (PPS) - PV Trans nắm 49% vốn điều lệ.

3. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các Công ty có liên quan

3.1 Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội (PV Trans Hà Nội)

✦ PV Trans Hà Nội được thành lập vào ngày 23/10/2007 và hoạt động theo mô hình Công ty TNHH, sau đó được chuyển đổi thành công ty cổ phần vào ngày 26/11/2010. Ngành nghề kinh doanh chính: vận tải hành khách đường bộ, ven biển và viễn dương; vận tải hàng hoá bằng đường bộ, đường thủy nội địa, ven biển và viễn dương; kho bãi và lưu giữ hàng hoá; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp hoặc liên quan đến vận tải đường bộ và vận tải đường thủy; cho thuê xe có động cơ; cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; kinh doanh xăng dầu, khí hoá lỏng và các sản phẩm liên quan; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy; sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải... Vốn điều lệ 80 tỷ đồng.

✦ Địa chỉ trụ sở chính: tổ 28 Nguyễn Thị Định, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

✦ Các hoạt động sản xuất kinh doanh chính của PV Trans Hà Nội trong năm 2011: cho Công ty mẹ thuê định hạn tàu PVT Sea Lion để vận chuyển sản phẩm của Nhà máy lọc dầu Dung Quất và khai thác trên thị trường quốc tế; thuê và cho thuê tàu vận tải hàng rời (hạt nhựa, barite...); kinh doanh và phân phối các sản phẩm xăng dầu cho Công ty PV Oil miền Bắc; quản lý dự án đầu tư máy chụp cắt lớp tại bệnh viện Hữu Nghị; khai thác 08 xe đầu kéo container và cung cấp dịch vụ đại lý hàng hải cho đội tàu của Tổng công ty và các đối tác khác tại khu vực phía Bắc.

✦ Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2011:

- Doanh thu:	139.193.141.863 đồng
- Lợi nhuận trước thuế:	1.738.567.659 đồng
- Nộp ngân sách Nhà nước:	6.200.623.524 đồng

3.2 Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu (PV Trans Vũng Tàu)

✦ PV Trans Vũng Tàu được thành lập vào ngày 08/10/2007, hoạt động theo mô hình Công ty TNHH, sau đó được chuyển đổi thành công ty cổ phần vào ngày 26/11/2010. Ngành nghề kinh doanh chính: dịch vụ vận tải và kinh doanh các sản phẩm dầu khí; đại lý hàng hải; cung ứng dịch vụ hàng hải và hậu cần; cung cấp, mua bán vật tư thiết bị hàng hải và dịch vụ kỹ thuật dầu khí; dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa tàu thuyền và các công trình dầu khí. Vốn điều lệ 80 tỷ đồng.

✦ Địa chỉ trụ sở chính: tầng 4, tòa nhà 208 Thống Nhất, phường 8, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

✦ Các hoạt động sản xuất kinh doanh chính của PV Trans Vũng Tàu trong năm 2011: phối hợp cùng Công ty mẹ khai thác tàu vận tải sản phẩm dầu PVT Dragon phục vụ vận chuyển sản phẩm đầu ra cho Nhà máy lọc dầu Dung Quất; tổ chức thực hiện vận chuyển hàng rời (phân đạm cho Nhà máy đạm Phú Mỹ, hạt nhựa...) cho các đơn vị

trong/ngoài ngành; cung cấp vật tư thiết bị, dịch vụ logistic cho các nhà thầu dầu khí trong và ngoài nước đang hoạt động tại Việt Nam; cung cấp dịch vụ đại lý hàng hải cho đội tàu của Tổng công ty và các đối tác khác tại khu vực thành phố Hồ Chí Minh và Vũng Tàu.

✦ Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2011:

- Doanh thu: 158.766.171.354 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 4.516.349.598 đồng
- Nộp ngân sách Nhà nước: 6.895.160.881 đồng

3.3 Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi (PV Trans Quảng Ngãi)

✦ PV Trans Quảng Ngãi được thành lập vào ngày 07/12/2010 trên cơ sở chi nhánh của PV Trans tại Quảng Ngãi. Ngành nghề kinh doanh chính: dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển, vận tải hàng hóa bằng đường bộ và dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải... Vốn điều lệ 20 tỷ đồng.

✦ Địa chỉ trụ sở chính: E1 Tôn Đức Thắng, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

✦ Các hoạt động sản xuất kinh doanh chính của PV Trans Quảng Ngãi trong năm 2011: cung cấp dịch vụ đại lý hàng hải cho đội tàu của Tổng công ty và đội tàu bên ngoài hoạt động tại khu vực miền Trung; cung cấp dịch vụ giao nhận, vận chuyển hàng rời (hạt nhựa) bằng đường bộ cho các đơn vị trong và ngoài ngành; cung cấp dịch vụ sửa chữa và cung ứng vật tư tàu biển cho đội tàu của Tổng công ty.

✦ Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2011:

- Doanh thu: 108.787.655.644 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 2.706.582.544 đồng
- Nộp ngân sách Nhà nước: 1.169.949.813 đồng

3.4 Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (Gas Shipping)

✦ Gas Shipping được thành lập vào ngày 24/12/2007. Ngành nghề kinh doanh chính: vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; mua bán phương tiện vận tải; dịch vụ: đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển, cho thuê tàu biển, kiểm đếm hàng hoá, vệ sinh tàu biển, giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu; bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan... Vốn điều lệ 300 tỷ đồng.

✦ Địa chỉ trụ sở chính: tầng 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

✦ Các hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Gas Shipping trong năm 2011: tiếp tục khai thác đội tàu LPG hiện có và các tàu thuê ngoài để vận chuyển sản phẩm LPG của Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Nhà máy chế biến khí Dinh Cố và LPG nhập khẩu.

✦ Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2011:

- Doanh thu: 719.174.015.854 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 65.204.207.491 đồng

- Nộp ngân sách Nhà nước: 38.219.737.327 đồng

3.5 Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (PV Trans Pacific)

✦ PV Trans Pacific được thành lập vào ngày 28/01/2008. Ngành nghề kinh doanh chính: kinh doanh vận tải dầu thô; cho thuê phương tiện vận tải; dịch vụ môi giới tàu biển; đại lý hàng hải; cung ứng tàu biển; sửa chữa tàu biển... Vốn điều lệ 942,75 tỷ đồng.

✦ Địa chỉ trụ sở chính: tầng 4, toà nhà H3, số 384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

✦ Các hoạt động sản xuất kinh doanh chính của PV Trans Pacific trong năm 2011: phối hợp với Công ty mẹ trong việc khai thác tàu vận tải dầu thô PVT Athena để vận chuyển dầu thô đầu vào cho Nhà máy lọc dầu Dung Quất và tham gia vận chuyển trên thị trường quốc tế; tiếp tục triển khai dự án đóng tàu vận tải dầu thô loại Aframax 105.000 DWT tại Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất (DQS).

✦ Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2011:

- Doanh thu: 399.188.930.466 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 3.474.646.468 đồng
- Nộp ngân sách Nhà nước: 22.048.673.657 đồng

3.6 Công ty Cổ phần Vận tải dầu Phương Đông Việt (PV Trans Oil)

✦ PV Trans Oil được thành lập vào ngày 20/04/2007 (ban đầu là đơn vị thành viên của Tổng công ty Dầu Việt Nam), trở thành đơn vị thành viên và chính thức hợp nhất vào PV Trans từ quý II/2010. Ngành nghề kinh doanh chính: kinh doanh vận tải biển; dịch vụ cung ứng sửa chữa tàu biển; dịch vụ kinh doanh sản phẩm xăng dầu; dịch vụ cung ứng tàu biển; đại lý hàng hải... Vốn điều lệ 140 tỷ đồng.

✦ Địa chỉ trụ sở chính: lầu 8 cao ốc Citylight, số 45 Võ Thị Sáu, phường ĐaKao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

✦ Các hoạt động sản xuất kinh doanh chính của PV Trans Oil trong năm 2011: khai thác đội tàu sản phẩm dầu hiện có phục vụ vận tải sản phẩm của Nhà máy lọc dầu Dung Quất và tham gia vận chuyển trên thị trường quốc tế; cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng rời bằng đường biển (clinker); kinh doanh và phân phối các sản phẩm xăng dầu cho PV Oil; cung cấp dịch vụ hàng hải và đại lý tàu biển cho đội tàu của Công ty và các khách hàng khác.

✦ Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2011:

- Doanh thu: 484.923.902.232 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 269.072.604 đồng
- Nộp ngân sách Nhà nước: 47.082.711.239 đồng

3.7 Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam (Southern PetroTrans)

✦ Southern PetroTrans được thành lập vào ngày 11/04/2008. Ngành nghề kinh doanh chính: kinh doanh vận tải xăng dầu bằng đường biển; dịch vụ môi giới hàng hải; dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ đại lý tàu biển... Vốn điều lệ 382,56 tỷ đồng.

✦ Địa chỉ trụ sở chính: tầng 4, toà nhà H3, số 384 Hoàng Diệu, phường 6, quận

4, thành phố Hồ Chí Minh.

✦ Các hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Southern PetroTrans trong năm 2011: tiếp tục khai thác đội tàu vận tải dầu sản phẩm hiện có trên thị trường quốc tế.

✦ Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2011:

- Doanh thu:	442.765.017.758 đồng
- Lợi nhuận trước thuế:	504.680.043 đồng
- Nộp ngân sách Nhà nước:	13.061.920.290 đồng

3.8 Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (PV Trans PTT)

✦ PV Trans PTT được thành lập vào ngày 25/07/2007. Ngành nghề kinh doanh chính: vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng xe taxi, xe buýt; vận tải hàng hoá, xăng, dầu, gas; buôn bán xăng dầu, khí hoá lỏng; dịch vụ bến bãi đỗ xe, trạm dừng xe; sửa xe, bảo dưỡng xe, lắp đặt phụ tùng, phương tiện vận tải; kinh doanh ngành gas: chế tạo, sửa chữa bình gas, chuyển đổi phương tiện vận tải sang sử dụng nhiên liệu khí hoá lỏng... Vốn điều lệ 100 tỷ đồng.

✦ Địa chỉ trụ sở chính: tầng 19, tòa nhà 27 Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

✦ Các hoạt động sản xuất kinh doanh chính của PV Trans PTT trong năm 2011: cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách bằng taxi sử dụng nhiên liệu sạch (LPG) tại địa bàn Hà Nội và Nam Định; cho thuê xe văn phòng, xe bồn vận chuyển LPG, xăng dầu; kinh doanh xăng dầu, LPG và kinh doanh thương mại khác.

✦ Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2011:

- Doanh thu:	341.102.020.930 đồng
- Lợi nhuận trước thuế:	(7.833.307.453) đồng
- Nộp ngân sách Nhà nước:	7.066.989.915 đồng

3.9 Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Cửu Long (PV Trans PCT)

✦ PV Trans PCT được thành lập vào ngày 04/06/2007. Ngành nghề kinh doanh chính: kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi, xe buýt; kinh doanh vận tải hàng hoá bằng ô tô, đường thủy nội địa; mua bán phương tiện máy móc thiết bị, phụ tùng ngành giao thông vận tải, sản phẩm gas: LPG, CNG, LNG; đại lý kinh doanh xăng dầu; dịch vụ hoán cải phương tiện vận tải; kinh doanh bất động sản; kinh doanh bến bãi đỗ xe, trạm dừng; bán buôn và bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ; bán buôn và cho thuê máy móc, thiết bị, phụ tùng ngành giao thông vận tải; chiết nạp sản phẩm gas... Vốn điều lệ 230 tỷ đồng.

✦ Địa chỉ trụ sở chính: số 18 Nguyễn Cửu Vân, phường 17, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

✦ Các hoạt động sản xuất kinh doanh chính của PV Trans PCT trong năm 2011: cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách bằng taxi sử dụng nhiên liệu sạch (LPG/CNG) tại địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và Vũng Tàu; cho thuê xe văn phòng, xe bồn vận chuyển LPG; kinh doanh xăng dầu, LPG và kinh doanh thương mại khác.

✦ Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2011:

- Doanh thu:	589.455.207.787 đồng
- Lợi nhuận trước thuế:	3.066.042.912 đồng
- Nộp ngân sách Nhà nước:	9.662.185.869 đồng

3.10 Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC (PPS)

✦ Công ty PPS được thành lập vào ngày 01/04/2011. Ngành nghề kinh doanh chính: dịch vụ quản lý, khai thác các tàu chứa dầu (FSO), tàu chứa và xử lý dầu thô (FPSO); dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí; cung cấp lao động chuyên ngành dầu khí. Vốn điều lệ 200 tỷ đồng.

✦ Địa chỉ trụ sở chính: lầu 6, tòa nhà PetroVietnam Tower, số 08 Hoàng Diệu, phường 1, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

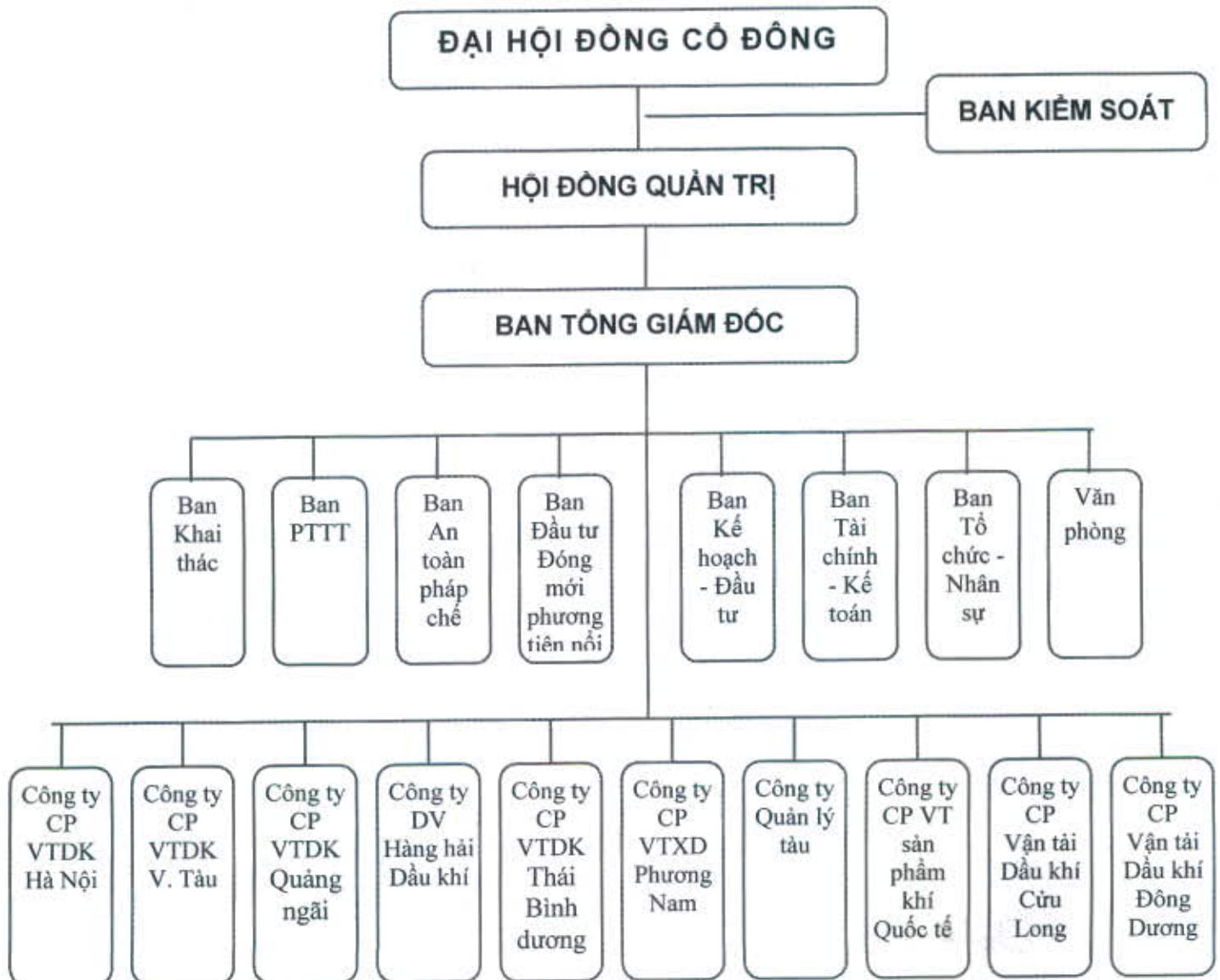
✦ Các hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty PPS trong năm 2011: cung cấp dịch vụ quản lý và khai thác tàu FPSO Ruby II, tàu FSO PTSC Bạch Hồ và cung cấp dịch vụ O&M tàu FPSO Thái Bình Việt Nam; dịch vụ cung ứng lao động trên các tàu FSO/FPSO và các dịch vụ khác.

✦ Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2011:

- Doanh thu: 392.480.414.539 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 34.765.571.398 đồng
- Nộp ngân sách Nhà nước: 80.051.000.000 đồng

VIII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ:

1. Cơ cấu tổ chức của PV Trans:



2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

✦ **Ông Phạm Việt Anh - Tổng giám đốc**

- Năm sinh: 07/05/1971
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh.
- Tóm tắt quá trình công tác: Ông Phạm Việt Anh đã có thâm niên nhiều năm công tác trong ngành Dầu khí, từng giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc PTSC, Tổng giám đốc PV Gas, Phó Chủ tịch HĐQT PTSC.

✦ **Ông Nguyễn Phùng Hưng - Phó Tổng giám đốc**

- Năm sinh: 18/09/1974
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh
- Tóm tắt quá trình công tác: ông Nguyễn Phùng Hưng từng giữ các chức vụ Kế toán trưởng - Công ty Vận tải Dầu khí (PV Trans) và hiện nay là Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí.

✦ **Ông Trần Tuấn Nam - Phó Tổng giám đốc**

- Năm sinh: 16/05/1970
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy hàng hải, Cử nhân kinh tế
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh
- Tóm tắt quá trình công tác: ông Trần Tuấn Nam từng giữ các chức vụ Trưởng phòng Kinh tế hợp đồng - Xí nghiệp Dịch vụ Giàn khoan, Công ty Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (PV Drilling); Trợ lý Giám đốc/Phó phòng Khai thác/Trưởng phòng Tổng hợp - Pháp chế, Công ty Vận tải Dầu khí (PV Trans) và hiện nay là Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí.

✦ **Ông Nguyễn Anh Minh - Phó Tổng Giám đốc**

- Năm sinh: 16/09/1971
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngoại thương
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh, tiếng Nga
- Tóm tắt quá trình công tác: Ông Nguyễn Anh Minh từng giữ các chức vụ Trưởng phòng Khai thác - Công ty Vận tải Dầu khí và hiện nay là Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí.

✦ **Ông Đào Mạnh Tiến - Phó Tổng Giám đốc**

- Năm sinh: 15/07/1961
- Trình độ chuyên môn: Sĩ quan an ninh
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh
- Tóm tắt quá trình công tác: Ông Đào Mạnh Tiến từng giữ các chức vụ Phó giám đốc Công ty du lịch thương mại Hoàng Việt, thuộc Tổng cục an ninh; Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Chi nhánh Công ty CP Vận tải Dầu khí tại Hà Nội; Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH một thành viên Vận tải Dầu khí Hà Nội và hiện nay là Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí

✦ **Ông Mai Thế Toàn – Phó Tổng Giám đốc**

- Năm sinh: 02/07/1968
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ cơ khí
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh
- Tóm tắt quá trình công tác: Ông Mai Thế Toàn đã có nhiều năm công tác trong ngành Dầu khí, từng giữ chức vụ Phó giám đốc Công ty Dịch vụ khai thác Dầu khí và hiện nay là Phó Tổng giám đốc PVTrans.

3. Thay đổi Tổng giám đốc điều hành trong năm: Không

4. Quyền lợi của Ban Tổng giám đốc: Tiền lương, thưởng và các quyền lợi khác của Ban Tổng giám đốc

PVTrans chi trả một mức lương hợp lý cho Ban Tổng Giám đốc theo Quy chế lương của Tổng công ty và thang bảng lương của Tổng công ty đã được đăng ký với Sở Lao động và Thương binh Xã hội; thưởng theo thành tích công việc; cung cấp các quyền lợi khác như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và phương tiện làm việc theo quy định.

5. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

- Tổng số CBCNV toàn Tổng công ty năm 2011: 2.208 người
- Tổng công ty luôn quan tâm thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của Bộ Luật lao động và các chế độ, chính sách hiện hành của Nhà nước, thu nhập bình quân của CBCNV Tổng công ty năm 2011 là 10,2 triệu đồng/tháng.

6. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị /Chủ tịch, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

✦ **Thay thế thành viên Hội đồng quản trị:**

- Từ ngày 30/5/2011 ông Trịnh Hữu Hiền thay ông Đồng Anh Tuấn.

✦ **Thay thế thành viên BKS:**

- Từ ngày 30/5/2011, ông Lưu Hoàng Tú thay ông Nguyễn Quốc Dũng.

✦ **Thay Kế toán trưởng:** Không

IX. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG/THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị/Chủ tịch và Ban kiểm soát

✦ **Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị Tổng công ty năm 2011 gồm 5 người, trong đó 2 thành viên điều hành và 3 thành viên độc lập không điều hành, cụ thể:

- Thành viên HĐQT không tham gia điều hành:

1. Ông Đỗ Văn Liên - Chủ tịch HĐQT - chuyên trách;
 2. Ông Trịnh Hữu Hiền - Thành viên độc lập không điều hành;
 3. Ông Đỗ Minh Toàn - Thành viên độc lập không điều hành.
- Thành viên HĐQT tham gia điều hành:
 1. Ông Phạm Việt Anh - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc;
 2. Ông Nguyễn Phùng Hưng - Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc.

✦ **Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát**

Ban Kiểm soát của Tổng công ty năm 2007 gồm 3 người, đều là thành viên độc lập không điều hành, bao gồm:

1. Ông Thái Ngọc Lân - Trưởng Ban kiểm soát - chuyên trách;
2. Ông Hà Thúc Hiếu - thành viên độc lập;
3. Ông Lưu Hoàng Tú - thành viên độc lập.

✦ **Hoạt động của Hội đồng quản trị**

Nhận thức được những khó khăn của Tổng công ty, năm 2011 Hội đồng quản trị Tổng công ty đã tập trung lãnh đạo nhằm thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trong năm 2011, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã thực hiện tốt chế độ hội họp, sinh hoạt theo quy định. Các thành viên HĐQT tại Tổng công ty đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban điều hành. Đồng thời, bên cạnh việc thực hiện chức năng quản lý, giám sát công tác điều hành của Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý, HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành để tìm những giải pháp tháo gỡ khó khăn trong sản xuất- kinh doanh thông qua các hoạt động:

- Tham dự và có ý kiến trong các cuộc họp quan trọng của Ban điều hành về việc chuẩn bị các báo cáo đề xuất, các dự án trình HĐQT; triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

- Tham dự và có ý kiến trong các cuộc họp giao ban công tác định kỳ hàng tháng của Tổng công ty.

- Tham dự và có ý kiến trong các cuộc họp chuyên đề về xây dựng và giao kế hoạch sản xuất-kinh doanh, chính sách nhân viên, lương thưởng, xây dựng-hoàn thiện các quy trình quản lý chất lượng, an toàn hàng hải....

- Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành sản xuất-kinh doanh thông qua các văn bản, báo cáo của Ban điều hành gửi HĐQT.

- Các thành viên HĐQT không kiêm nhiệm chức vụ trong Tổng công ty thực hiện công tác quản lý, giám sát qua các báo cáo và các phiên họp của HĐQT.

Trong năm qua HĐQT đã tiến hành 4 cuộc họp định kỳ (1 quý 1 lần) và 54 cuộc họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Các Tiểu ban của Hội đồng quản trị như Hội đồng đầu tư đã tiến hành 6 cuộc họp, Hội đồng nhân sự đã tiến hành 13 cuộc họp để xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Trên cơ sở kết quả các cuộc họp của HĐQT/HĐĐT/HĐNS, HĐQT đã ban hành 88 Quyết định và 4 Nghị

quyết làm cơ sở cho Tổng Giám đốc triển khai các hoạt động sản xuất - kinh doanh. Các vấn đề lớn đã được xem xét, phê duyệt như sau:

- Phê duyệt dự án đầu tư tàu đóng mới vận chuyển dầu thô (tiếp nhận từ Vinashin theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ/ Tập đoàn Dầu khí Việt nam).

- Quyết định tham gia góp vốn vào các công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ hàng hải dầu khí là lĩnh vực có doanh thu và lợi nhuận ổn định nhằm đa dạng hóa hoạt động sản xuất - kinh doanh, hạn chế những tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, từng bước cải thiện kết quả sản xuất - kinh doanh.

- Quyết định cơ cấu lại vốn đầu tư tại một số công ty thành viên để đảm bảo hiệu quả đầu tư và cân đối nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất - kinh doanh.

- Quyết định hoàn thiện cơ cấu tổ chức, chuyển đổi mô hình hoạt động về công tác quản lý tàu nhằm tăng cường tính chủ động, chuyên môn hóa và nâng cao chất lượng quản lý các đội tàu.

- Rà soát, hoàn thiện một loạt các quy chế, quy định, quy trình quản lý (trong năm 2011 đã xây dựng/điều chỉnh gần 20 quy chế cấp Tổng công ty liên quan đến tiêu hao nhiên liệu, hao hụt hàng hóa, đào tạo, vấn đề lương, tài chính, thương mại, văn thư, lưu trữ, người đại diện của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác, kiểm tra-đánh giá hiệu quả doanh nghiệp thành viên....).

- Tuyển dụng, luân chuyển và bổ nhiệm các cán bộ lãnh đạo và quản lý.

- Các nội dung khác.

✦ **Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành**

Các thành viên HĐQT độc lập không điều hành đều tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, tham gia đầy đủ các hoạt động của HĐQT, xem xét, nghiên cứu và cho ý kiến về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT làm cơ sở để HĐQT ban hành các quyết định, nghị quyết liên quan.

✦ **Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT**

- Tiểu ban của Hội đồng quản trị gồm Hội đồng Đầu tư được thành lập năm 2008, Hội đồng Nhân sự thành lập năm 2009 và Thường trực HĐQT thành lập năm 2011. Các tiểu ban hoạt động trên cơ sở phân cấp của HĐQT, xem xét các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT để làm cơ sở cho HĐQT ban hành các quyết định/nghị quyết liên quan.

- Căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị được quy định trong Điều lệ của PV Trans, Hội đồng quản trị Tổng công ty tự đánh giá là đã hoàn thành được nhiệm vụ trong năm 2011. Hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty đảm bảo lợi ích của cổ đông, có tinh thần trách nhiệm trong việc xây dựng định hướng hoạt động của đơn vị, thực hiện chế độ công bố thông tin khách quan, trung thực, giữ tốt mối quan hệ với các cổ đông và các nhà đầu tư.

✦ **Hoạt động của Ban kiểm soát**

- Trong năm 2011, Ban kiểm soát đã hoạt động theo đúng chức năng quy định bởi Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty. Các thành viên Ban kiểm soát đã trao đổi thường xuyên tình hình công việc.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

- Những nội dung cơ bản hoạt động kiểm soát năm 2011:
 - Thực hiện chức năng giám sát đối với hoạt động của HĐQT, cụ thể:
 - Hoạt động lãnh đạo, giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - Việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, trong quá trình lãnh đạo, giám sát Tổng giám đốc về sử dụng, bảo toàn, phát triển vốn.
 - Việc HĐQT lãnh đạo, giám sát Tổng giám đốc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.
 - Thực hiện chức năng giám sát đối với Tổng giám đốc và bộ máy quản lý, cụ thể:
 - Hoạt động điều hành, thực hiện Nghị quyết, quyết định của HĐQT.
 - Việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ Tổng công ty.
 - Việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.
 - Việc xây dựng, ban hành, thực hiện và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, các quy chế, quy trình quản lý của Tổng công ty...
 - Việc thực hiện quy chế phối hợp với HĐQT trong hoạt động điều hành.
- ✦ Số lượng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: 7/7 người.
- ✦ Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT:
- ✦ Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT:

Stt	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần năm giữ	Thay đổi tỷ lệ nắm giữ	
				Mua	Bán
1	Đỗ Văn Liên	Chủ tịch HĐQT			
	Đại diện phần vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		67.924.972	Không	Không
	Cổ phần sở hữu cá nhân		49.100	Không	Không
2	Phạm Việt Anh	Thành viên HĐQT			
	Đại diện phần vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		33.962.487	Không	Không
	Cổ phần sở hữu cá nhân		130.000	130.000	Không
3	Nguyễn Phùng Hưng	UV Thành viên HĐQT			
	Đại diện phần vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		33.962.487	Không	Không

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Stt	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần năm giữ	Thay đổi tỷ lệ năm giữ	
				Mua	Bán
	Cổ phần sở hữu cá nhân		71.680	Không	Không
4	Đông Anh Tuấn (Từ ngày 21/05/2010 đến ngày 30/05/2011) Trịnh Hữu Hiền (Từ ngày 30/05/2011 đến nay)	UV Thành viên HĐQT			
	Đại diện phần vốn của Tổng công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam		19.349.393	Không	Không
5	Đỗ Minh Toàn	Thành viên HĐQTUV HĐQT			
	Đại diện phần vốn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu		9.056.850	Không	Không

✦ Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên:

- Ông Phạm Việt Anh - Ủy viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tổng công ty PV Trans đã tiến hành giao dịch mua 30.000 cổ phần PVT, hoàn thành giao dịch từ ngày 10/01/2011 đến ngày 23/02/2011 và tiến hành giao dịch mua 100.000 cổ phần PVT, hoàn thành giao dịch từ ngày 10/6/2011 đến ngày 09/08/2011 nâng tổng số cổ phần sở hữu cá nhân là 130.000 cổ phần PVT.

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn:

2.1. Cổ đông/thành viên góp vốn trong nước:

✦ Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông trong nước:

Stt	Danh mục	Số lượng cổ phần năm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông sở hữu trên 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	155.199.339	66,72%
2	Cổ đông sở hữu từ 1% đến dưới 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	18.529.576	7,97%
3	Cổ đông sở hữu dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết	49.765.791	21,40%
	Tổng cộng	223.494.706	96,09%

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI DẦU KHÍ

(Nguồn: TTLKCK Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh ngày 13/04/2012)

◇ Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn trong nước

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Ngành nghề hoạt động	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	18 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình Hà Nội	Dầu khí	135.849.946	58,40%	Cổ đông Nhà nước
2	Tổng công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	72 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Tài chính	19.349.393	8,32%	Cổ đông Nhà nước
3	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	442 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh	Ngân hàng	9.056.850	3,89%	
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect	01 Nguyễn Thượng Hiền, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	Chứng khoán	3.557.940	1,53%	
5	Võ Phạm Thị Đoàn Tiết	26 Nguyễn Văn Sang, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh		3.514.176	1,51%	
6	La Mỹ Phượng	58 Nguyễn Thông, phường 9, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh		2.400.610	1,03%	
	Tổng cộng			173.728.915	74,69%	

(Nguồn: TTLKCK Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh ngày 13/04/2012)

2.2. Cổ đông nước ngoài

◇ Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông nước ngoài

Stt	Danh mục	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông sở hữu trên 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	Không có	
2	Cổ đông sở hữu từ 1% đến dưới 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	5.338.696	2,30%
3	Cổ đông sở hữu dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết	3.766.598	1,62%
	Tổng cộng	9.105.294	3,91%

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

(Nguồn: TTLKCK Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh ngày 13/04/2012)

◇ Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn nước ngoài

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Ngành nghề hoạt động	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Tong Yang Viet Nam Privatisation Trust Fund 1	6th Floor, Fyib Bldg., #23-8 Yeoido-Dong, Yeongdeungpo-gu, Seoul, 150-707, Korea	Quỹ đầu tư	5.338.696	2,30%	
	Tổng cộng			5.338.696	2,30%	

(Nguồn: TTLKCK Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh ngày 13/04/2012)

TP. Hồ Chí Minh ngày 20 tháng 4 năm 2012

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Liên



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 30



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (sau đây gọi tắt là "Công ty mẹ") đề trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tổng Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Đỗ Văn Liên	Chủ tịch
Ông Phạm Việt Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Phùng Hưng	Thành viên
Ông Đỗ Minh Toàn	Thành viên
Ông Đồng Anh Tuấn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2011)
Ông Trịnh Hữu Hiền	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2011)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Việt Anh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phùng Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Tuấn Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Mạnh Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Thế Toàn	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2011)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không.
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Việt Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 10 tháng 4 năm 2012

Số: *MSA* /2012/Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí và các công ty con (gọi tắt là "Tổng Công ty") từ trang 4 đến trang 30. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Công việc kiểm toán của chúng tôi bị giới hạn do chưa thu thập được bằng chứng kiểm toán của khoản phải thu khác của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (Công ty con) từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nhà Bè với số tiền 80.000.000.000 đồng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết để đánh giá tính hiện hữu và đầy đủ của khoản phải trả khác liên quan đến khoản đặt cọc của các lái xe và khoản phải thu khác từ các đối tượng lái xe taxi (nợ ứng, nợ lệnh) của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (Công ty con) với số tiền lần lượt là 3.156.197.308 đồng và 2.744.598.370 đồng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Như trình bày tại Thuyết minh số 14 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty TNHH PVTrans Emas, một công ty liên doanh của Tổng Công ty với vốn điều lệ đăng ký 2.050.000.000 đồng và Tổng Công ty đã góp 1.025.000.000 đồng, tương ứng với 50% tổng vốn điều lệ, đang trong quá trình kiểm toán và chưa thống nhất số liệu. Do đó, phần lãi lỗ phát sinh từ khoản đầu tư này chưa được ghi nhận vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

12-C
NH
TY
KINH
TE
NAM
QUY
CH

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (tiếp theo)

Ý kiến ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của những vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Như trình bày tại Thuyết minh số 16 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty TNHH MTV Vận tải Thủy bộ Dung Quất – Vinashin, một Công ty con của Tổng Công ty, đã ngừng hoạt động và đang làm thủ tục giải thể. Vì vậy, khoản đầu tư vào Công ty con này trên báo cáo hợp nhất của Tổng Công ty được trình bày theo giá gốc.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Ban Giám đốc một số công ty con của Tổng Công ty đã thay đổi tỷ lệ khấu hao phương tiện vận tải như trình bày tại Thuyết minh số 4 và số 9 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Việc thay đổi tỷ lệ khấu hao đã ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011. Nếu tỷ lệ khấu hao trước đây được tiếp tục sử dụng, chi phí khấu hao trong năm 2011 sẽ tăng thêm 65.692.840.508 đồng, theo đó, lợi nhuận trước thuế trong năm 2011 sẽ giảm với số tiền tương ứng.

Như trình bày tại Thuyết minh số 4 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty hạch toán chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Nếu Tổng Công ty hạch toán chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái", lợi nhuận kế toán trước thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ giảm 86.653.415.392 đồng (năm 2010: giảm 12.340.205.944 đồng), lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ giảm 211.820.603.051 đồng và khoản mục "chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ có số dư bằng không.



Trần Đình Nghi Hạ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0288/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 10 tháng 4 năm 2012
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Huỳnh Vũ Đại Trọng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1204/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.920.244.455.821	2.475.724.666.689
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	819.863.449.693	1.098.494.491.090
1. Tiền	111		174.528.564.041	354.247.536.490
2. Các khoản tương đương tiền	112		645.334.885.652	744.246.954.600
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	471.947.307.700	189.150.481.904
1. Đầu tư ngắn hạn	121		476.649.710.080	192.952.454.984
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(4.702.402.380)	(3.801.973.080)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.479.335.872.689	1.004.461.003.654
1. Phải thu khách hàng	131		703.165.648.913	455.661.363.409
2. Trả trước cho người bán	132		629.867.106.887	463.340.257.044
3. Các khoản phải thu khác	135		184.416.250.748	105.762.293.002
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(38.113.133.859)	(20.302.909.801)
IV. Hàng tồn kho	140	7	93.665.360.887	112.665.571.931
1. Hàng tồn kho	141		93.665.360.887	112.665.571.931
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		55.432.464.852	70.953.118.110
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		18.281.884.881	15.370.911.694
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		201.272.060	19.254.671.327
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	8	29.390.588.178	29.034.956.610
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		7.558.719.733	7.292.578.479

11/20
 CHI
 CỔ
 NGH
 DEL
 VI
 (TP
 VIT

Các thuyết minh kèm theo từ trang 9 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 01-DN
 Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.108.651.551.414	5.285.207.997.488
I. Tài sản cố định	220		4.740.253.453.596	5.018.515.385.914
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	4.153.828.009.760	4.500.373.684.007
- Nguyên giá	222		6.169.908.358.758	6.111.353.280.635
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.016.080.348.998)	(1.610.979.596.628)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	8.796.055.476	3.024.027.375
- Nguyên giá	228		9.808.268.835	3.642.376.520
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.012.213.359)	(618.349.145)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	577.629.388.360	515.117.674.532
II. Bất động sản đầu tư	240	12	8.511.460.000	8.511.460.000
1. Nguyên giá	241		8.511.460.000	8.511.460.000
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		153.047.793.848	57.154.026.600
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	13	101.882.818.736	-
2. Góp vốn liên doanh	253	14	1.025.000.000	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	15	56.496.612.436	57.154.026.600
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	16	(6.356.637.324)	-
IV. Lợi thế thương mại	260		2.839.592.002	3.549.490.003
V. Tài sản dài hạn khác	270		203.999.251.968	197.477.634.971
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	17	185.723.760.432	192.711.506.588
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	18	1.482.506.058	697.860.545
3. Tài sản dài hạn khác	273		16.792.985.478	4.068.267.838
TỔNG TÀI SẢN	280		8.028.896.007.235	7.760.932.664.177

13/2-
 BANH
 TY
 HUAN
 VTT
 NAI
 (NDD)
 GCX

Các thuyết minh kèm theo từ trang 9 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		5.032.525.399.308	4.651.765.894.006
I. Nợ ngắn hạn	310		1.510.215.554.502	1.474.937.009.134
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	19	785.481.513.551	929.406.896.496
2. Phải trả người bán	312		430.342.906.894	312.826.305.910
3. Người mua trả tiền trước	313		17.751.296.838	768.716.310
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	20	45.752.458.667	29.173.964.617
5. Phải trả người lao động	315		44.726.762.300	21.948.842.504
6. Chi phí phải trả	316		108.533.793.135	119.036.926.363
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		73.390.396.778	56.088.112.824
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.236.426.339	5.687.244.110
II. Nợ dài hạn	330		3.522.309.844.806	3.176.828.884.872
1. Phải trả dài hạn khác	333		4.614.217.969	3.012.188.628
2. Vay và nợ dài hạn	334	21	3.517.393.619.045	3.173.548.329.366
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		302.007.792	268.366.878
B. NGUỒN VỐN	400		2.274.448.141.887	2.342.173.207.360
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	2.274.448.141.887	2.342.173.207.360
1. Vốn chủ sở hữu	411		2.326.000.000.000	2.326.000.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(211.820.603.051)	(125.167.187.659)
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		95.617.838.717	43.190.330.243
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		17.246.831.519	16.885.683.047
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2.878.356.342	2.406.590.870
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		44.525.718.360	78.857.790.859
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500	23	721.922.466.040	766.993.562.811
TỔNG NGUỒN VỐN	600		8.028.896.007.235	7.760.932.664.177



Phạm Việt Anh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 10 tháng 4 năm 2012

Nguyễn Thị Kim Anh
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 02-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			2011	2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		4.157.452.447.215	3.536.156.607.174
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(620.240)	(54.394.663)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	25	4.157.451.826.975	3.536.102.212.511
4. Giá vốn hàng bán	11	26	(3.763.757.646.494)	(3.169.989.461.537)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		393.694.180.481	366.112.750.974
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	251.806.552.733	160.464.651.832
7. Chi phí tài chính	22	29	(472.222.288.408)	(348.038.778.444)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		(166.998.351.691)	(135.020.543.878)
8. Chi phí bán hàng	24		(2.620.425.460)	(4.680.215.160)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(135.267.106.312)	(112.726.040.417)
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		35.390.913.034	61.132.368.785
11. Thu nhập khác	31		65.898.709.785	39.371.662.692
12. Chi phí khác	32		(48.402.314.774)	(38.865.113.417)
13. Lợi nhuận khác	40		17.496.395.011	506.549.275
14. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	40	13	12.776.347.489	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		65.663.655.534	61.638.918.060
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	(23.176.642.922)	(22.692.766.761)
17. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	52	18	784.645.513	(97.456.497)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		43.271.658.125	38.848.694.802
<i>Phân bổ cho:</i>				
- Lợi ích của cổ đông thiểu số		23	17.986.970.885	(36.210.119.755)
- Cổ đông của Tổng Công ty			25.284.687.240	75.058.814.557
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	109	343



Phạm Việt Anh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 10 tháng 4 năm 2012

(Signature)
 Nguyễn Thị Kim Anh
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh kèm theo từ trang 9 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 03-DN
 Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	MA số	2011	2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	65.663.655.534	61.638.918.060
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	406.921.517.435	423.686.636.981
Các khoản dự phòng	03	20.273.853.133	7.903.288.706
Chênh lệch tỷ giá	04	192.116.792.349	164.519.560.670
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(210.424.897.172)	(143.980.354.784)
Chi phí lãi vay	06	166.998.351.691	135.020.543.878
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	641.549.272.970	648.788.593.511
Tăng các khoản phải thu	09	(389.120.001.704)	(190.442.150.274)
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	19.000.211.044	(27.183.215.209)
Tăng các khoản phải trả	11	157.805.474.646	42.712.434.370
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	5.392.495.064	(42.104.141.441)
Tiền lãi vay đã trả	13	(168.718.430.601)	(212.166.073.079)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(20.464.254.325)	(53.880.328.381)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(12.781.525.400)	(2.743.832.090)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	232.663.241.694	162.981.287.406
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(107.476.479.036)	(625.105.137.638)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	301.073.476	359.090.909
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(457.887.455.096)	(1.189.820.189.523)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	80.657.414.164	1.059.421.199.358
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	116.301.081.640	137.089.786.260
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(368.104.364.852)	(618.055.250.634)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phần	31	-	350.205.340.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	734.689.382.130	643.451.276.478
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(889.511.475.896)	(457.994.004.109)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	11.362.480.400	382.688.492
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(143.459.613.366)	536.045.300.862
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(278.900.736.524)	80.971.337.634
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	1.098.494.491.090	1.017.523.153.456
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	269.695.127	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	819.863.449.693	1.098.494.491.090

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và đầu tư xây dựng không bao gồm 3.031.817.616 đồng (năm 2010: 61.733.742.224 đồng) là giá trị tài sản mua sắm trong năm chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Phạm Việt Anh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 10 tháng 4 năm 2012

Nguyễn Thị Kim Anh
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh kèm theo từ trang 9 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

I. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty mẹ

Công ty mẹ là một công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006624 ngày 7 tháng 5 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh và các giấy phép điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 536 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 360 người).

Hoạt động chính của Công ty mẹ là kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác.

Các công ty con

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu (gọi tắt là "Công ty Vũng Tàu") là công ty cổ phần được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Dầu khí Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500819392 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 26 tháng 11 năm 2010 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty Vũng Tàu là kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí; tham gia đào tạo và cung ứng thuyền viên cho các tàu vận tải dầu khí; và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác cho các đối tác trong và ngoài nước, kinh doanh dịch vụ môi giới tàu biển, đại lý hàng hải. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, tỷ lệ góp vốn cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty Vận tải Dầu khí Vũng Tàu là 95%, 95% và 99,7%.

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội (gọi tắt là "Công ty Hà Nội") là công ty cổ phần được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Dầu khí Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102396287 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 26 tháng 11 năm 2010 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi. Hoạt động chính của Công ty Hà Nội là kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác; mua bán vật tư thiết bị và dịch vụ kỹ thuật dầu khí; mua bán xăng dầu và các sản phẩm dầu khí khác. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, tỷ lệ góp vốn cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty Hà Nội là 97,25%; 97,25% và 99,62%.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty Phương Nam") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103009978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 4 năm 2009 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Hoạt động chính của Công ty Phương Nam là kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, tỷ lệ góp vốn cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty Phương Nam là 53,75%.

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty Thái Bình Dương") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103009251 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 1 năm 2009. Hoạt động chính của Công ty Thái Bình Dương là kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, tỷ lệ góp vốn cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty Thái Bình Dương là 51%, 64,92% và 64,92%.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (gọi tắt là "Công ty Quốc tế" là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008857 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 12 năm 2008 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Hoạt động chính của Công ty Quốc tế là mua bán phương tiện vận tải, cho thuê tàu, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, đường thủy nội địa, kinh doanh vận tải biển và cung cấp các dịch vụ đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển, kiểm đếm hàng hóa, vệ sinh tàu biển, sửa chữa tàu biển tại cảng, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, đào tạo nghề. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, tỷ lệ vốn góp cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty Quốc tế lần lượt là 67,74%, 69,8% và 67,74%. Vào ngày 22 tháng 12 năm 2010, Công ty Quốc tế mua lại 51% cổ phần của Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt, một công ty được chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0308515724 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 9 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 22 tháng 12 năm 2010.

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (gọi tắt là "Công ty Đông Dương") là công ty cổ phần được thành lập vào ngày 25 tháng 7 năm 2008 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018667 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp với tổng vốn điều lệ là 100.000.000.000 đồng. Hoạt động chính của Công ty Đông Dương là kinh doanh dịch vụ taxi, dịch vụ vận tải khí hóa lỏng và xăng dầu và cho thuê xe hạng sang. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, tỷ lệ vốn góp cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty Đông Dương lần lượt là 38,67%; 73% và 38,67%.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long (gọi tắt là "Công ty Cửu Long") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006914 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 6 năm 2008 và các giấy chứng nhận kinh doanh điều chỉnh. Hoạt động chính của Công ty Cửu Long là kinh doanh dịch vụ taxi, dịch vụ vận tải, cho thuê xe hạng sang, mua bán hàng hóa, khí hóa lỏng, đại lý kinh doanh xăng dầu, dịch vụ du lịch. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, tỷ lệ vốn góp cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty Cửu Long lần lượt là 22,63%; 60% và 22,63%.

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt (gọi tắt là "Công ty Phương Đông Việt") trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải sản phẩm dầu mỏ Phương Đông, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006478 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 4 năm 2007 và các giấy chứng nhận kinh doanh điều chỉnh. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh vận tải biển, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ cung ứng tàu biển, đại lý hàng hải, dịch vụ sửa chữa tàu biển (không hoạt động tại trụ sở), cho thuê phương tiện vận tải tàu biển, xe ô tô, xe cơ giới và khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, dạy nghề, chuẩn bị mặt bằng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, tỷ lệ vốn góp cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty Phương Đông Việt là 54,27%.

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi (gọi tắt là "Công ty Quảng Ngãi") trước đây là chi nhánh ở Quảng Ngãi của Công ty mẹ, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300560786 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 7 tháng 12 năm 2010. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty Quảng Ngãi là kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ; đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển và các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, đường bộ và đường hàng không; kinh doanh kho bãi, lưu giữ hàng hóa; vận tải hành khách bằng đường bộ (trừ vận tải bằng xe buýt); cho thuê xe có động cơ; mua bán và cung ứng vật tư, trang thiết bị phục vụ ngành dầu khí, hàng hải; đại lý bán vé máy bay; dịch vụ kỹ thuật dầu khí; kinh doanh dịch vụ môi giới và cung ứng tàu biển. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, tỷ lệ vốn góp cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty Quảng Ngãi lần lượt là 95%, 100% và 100%.

Công ty TNHH MTV Vận tải Thủy bộ Dung Quất - Vinashin (gọi tắt là "Công ty Dung Quất") trước đây là công ty con của Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300347377 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty Dung Quất là kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, tỷ lệ vốn góp cam kết, quyền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty Dung Quất lần lượt là 0%, 100% và 0%. Tổng Công ty đã quyết định giải thể công ty này theo quyết định số 52/QĐ-VTDK-HDQT ngày 29 tháng 8 năm 2011.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 34.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty được đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng thống nhất tại Công ty mẹ và các công ty con. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ các cổ đông thiểu số phải gánh chịu vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được ghi giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi các cổ đông này có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

21/32
NHÂN
NGÀY
ĐIỂM
OIT
T. N.
HÀ NI
PH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI DẦU KHÍ

384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 5 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất để bán do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Tổng Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các năm tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, đầu tư tài chính dài hạn và các tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và các chi phí liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	31/12/2011	31/12/2010
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 năm	10 năm
Máy móc, thiết bị	2 - 10 năm	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	5 - 25 năm	6 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 8 năm	2 - 8 năm

Trong năm, Ban Giám đốc Công ty Phương Nam quyết định thay đổi thời gian khấu hao của tàu vận chuyển từ 15 năm lên 25 năm, Công ty Quốc tế thay đổi thời gian khấu hao của tàu vận chuyển từ 5 năm lên 7 năm và Công ty Phương Đông Việt thay đổi thời gian khấu hao của tàu vận chuyển từ 10 năm lên 20 năm và từ 15 năm lên 25 năm. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng thời gian khấu hao này phản ánh chính xác hơn thời gian sử dụng tài sản của các tài sản này.

11/2012
CHÍNH
CỘNG
HÒA
ĐỘNG
VIỆT
NAM
(TP. H
C. H. H.)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm kế toán và giấy chứng nhận chứng chỉ ISO 9001:2008 được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm kế toán và giấy chứng nhận chứng chỉ ISO 9001:2008 được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong ba năm. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không khấu hao.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng hoặc sản xuất phục vụ mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại năm tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa lớn, chi phí thuê văn phòng, chi phí bảo hiểm tàu và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ một đến năm năm kể từ ngày phát sinh.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Khi giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm, doanh thu được ghi nhận trong năm theo tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành dịch vụ cung cấp.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

V2-C1
NH
TY
DỰNHAN
T' T E
VAM
190
CHI NH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Ngoại tệ

Tổng Công ty hạch toán chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản mục này được hạch toán như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại chưa ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và được phân bổ vào chi phí tối đa không quá 5 năm.

Phương pháp hạch toán chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" (VAS10). Theo VAS10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Nếu hạch toán chênh lệch tỷ giá theo VAS 10, lợi nhuận kế toán trước thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ giảm 86.653.415.392 đồng (năm 2010: giảm 12.340.205.944 đồng), lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ giảm 211.820.603.051 đồng và khoản mục "chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có số dư bằng không.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các giai đoạn khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế hoặc chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hoãn lại trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Tiền mặt	2.727.795.811	2.717.984.051
Tiền gửi ngân hàng	171.800.768.230	351.529.552.439
Các khoản tương đương tiền	645.334.885.652	744.246.954.600
	<u>819.863.449.693</u>	<u>1.098.494.491.090</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng bằng đồng Việt Nam tại các ngân hàng và tổ chức tài chính với lãi suất tiền gửi từ 6% đến 14% một năm (31 tháng 12 năm 2010: Lãi suất từ 12% đến 14%/năm). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tổng Công ty có khoản tương đương tiền trị giá 50 tỷ đồng là tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội - Chi nhánh Hồ Chí Minh và khoản tương đương tiền trị giá 50 tỷ đồng là tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á. Ngoài ra, Tổng Công ty còn có khoản tương đương tiền trị giá 1 tỷ đồng bị phong tỏa nhằm bảo đảm cho các khoản bảo lãnh thanh toán cho các nhà cung cấp.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	6.343.170.080	91.343.170.080
Đầu tư ngắn hạn khác	470.306.540.000	101.609.284.904
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(4.702.402.380)	(3.801.973.080)
	<u>471.947.307.700</u>	<u>189.150.481.904</u>

Đầu tư ngắn hạn khác thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 4 đến 12 tháng tại các ngân hàng và tổ chức tài chính với lãi suất tiền gửi là 14% một năm (31 tháng 12 năm 2010: Lãi suất từ 11% đến 12,8% một năm).

31/12/2011
CÔNG
CHÍNH
JELC
VIỆT
C.P. H.
1/11/11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

7. HÀNG TỒN KHO	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	83.600.637.737	99.322.590.948
Công cụ, dụng cụ	5.675.301.615	1.942.998.059
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.690.914.929	1.863.061.917
Hàng hoá	2.698.506.606	9.536.921.007
	<u>93.665.360.887</u>	<u>112.665.571.931</u>

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	6.366.468
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	29.383.804.986	29.028.590.142
Thuế khác	6.783.192	-
	<u>29.390.588.178</u>	<u>29.034.956.610</u>

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2011	1.599.471.227	5.066.545.180	6.096.653.353.040	8.032.911.188	6.111.353.280.635
Tăng trong năm	-	329.624.545	8.731.475.819	910.114.675	9.971.215.039
Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	2.188.023.142	49.363.895.783	-	51.551.918.925
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(888.241.582)	-	(888.241.582)
Điều chỉnh khác	(1.054.016.682)	136.385.418	(947.507.515)	(214.675.480)	(2.079.814.259)
Tại ngày 31/12/2011	<u>545.454.545</u>	<u>7.720.578.285</u>	<u>6.152.912.975.545</u>	<u>8.729.350.383</u>	<u>6.169.908.358.758</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ					
Tại ngày 1/1/2011	(297.824.324)	(1.410.510.048)	(1.604.248.636.049)	(3.022.626.207)	(1.610.979.596.628)
Khấu hao trong năm	(253.216.732)	(1.211.138.218)	(403.291.994.789)	(1.771.303.482)	(406.527.653.221)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	662.808.687	-	662.808.687
Điều chỉnh khác	496.495.601	(293.640.210)	385.526.374	175.710.399	764.092.164
Tại ngày 31/12/2011	<u>(54.545.455)</u>	<u>(2.915.288.476)</u>	<u>(2.006.492.295.777)</u>	<u>(6.618.219.290)</u>	<u>(2.016.080.348.998)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2011	<u>490.909.090</u>	<u>4.805.289.809</u>	<u>4.146.420.679.768</u>	<u>2.111.131.093</u>	<u>4.153.828.009.760</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>1.301.646.903</u>	<u>3.656.035.132</u>	<u>4.492.404.716.991</u>	<u>3.011.284.981</u>	<u>4.500.373.684.007</u>

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 và 21, Tổng Công ty đã thế chấp một số phương tiện vận tải với tổng nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 2.790.833.118.088 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 2.648.945.453.700 đồng) làm đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tổng công ty có một số máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá lần lượt là 17.428.571 đồng, 5.563.746.082 đồng và 3.608.233.872 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 lần lượt là 17.428.571 đồng, 5.707.206.948 đồng và 2.321.646.281 đồng).

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Ban Giám đốc Công ty Phương Nam, Công ty Quốc tế và Công ty Phương Đông Việt đã thay đổi tỷ lệ khấu hao phương tiện vận tải của Công ty như trình bày tại Thuyết minh số 4. Ban Giám đốc tin rằng việc áp dụng tỷ lệ khấu hao mới sẽ phản ánh chính xác hơn hiệu suất sử dụng và thời gian sử dụng tài sản của Công ty. Nếu các Công ty tính khấu hao theo tỷ lệ trước đây, chi phí khấu hao trong năm sẽ tăng thêm 65.692.840.508 đồng.

172-C
NH
TY
HỮU
TTE
NAM
VND
JCM

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Khác VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 1/1/2011	-	3.642.376.520	-	3.642.376.520
Tăng trong năm	5.664.238.165	387.913.600	126.340.550	6.178.492.315
Điều chỉnh khác	-	(12.600.000)	-	(12.600.000)
Tại ngày 31/12/2011	<u>5.664.238.165</u>	<u>4.017.690.120</u>	<u>126.340.550</u>	<u>9.808.268.835</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 1/1/2011	-	(618.349.145)	-	(618.349.145)
Khấu hao trong năm	-	(351.750.697)	(42.113.517)	(393.864.214)
Tại ngày 31/12/2011	-	<u>(970.099.842)</u>	<u>(42.113.517)</u>	<u>(1.012.213.359)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2011	<u>5.664.238.165</u>	<u>3.047.590.278</u>	<u>84.227.033</u>	<u>8.796.055.476</u>
Tại ngày 31/12/2010	-	<u>3.024.027.375</u>	-	<u>3.024.027.375</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tổng Công ty có một số phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 279.209.350 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 264.085.150 đồng).

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Dự án mua mới tàu chở dầu	258.218.189	249.996.825
Dự án xây dựng cảng Dung Quất	-	3.240.314.292
Dự án đóng mới tàu chở dầu	577.218.039.262	500.721.457.345
Dự án xây dựng trạm chờ dầu	153.130.909	-
Dự án xây dựng trạm cung ứng nhiên liệu	-	2.011.201.352
Dự án mua xe taxi	-	7.558.077.996
Dự án xây dựng trạm nạp LPG	-	1.213.772.722
Dự án khác	-	122.854.000
	<u>577.629.388.360</u>	<u>515.117.674.532</u>

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu thể hiện chi phí phát sinh đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 của dự án đóng mới tàu chở dầu với trọng tải 105.000 DWT do Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất thực hiện.

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư thể hiện giá trị của ba lô đất đầu tư của Tổng Công ty tại khu dân cư Phước Long A, Bắc Rạch Chiếc, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng giá trị hợp lý của các lô đất trên tại ngày kết thúc niên độ kế toán tương đương với giá trị ghi sổ của chúng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

Đầu tư vào công ty liên kết thể hiện số vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC. Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3501811660 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 1 tháng 4 năm 2011. Tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 200 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tổng Công ty đã góp 98 tỷ đồng, tương ứng với 49% tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Hoạt động chính của công ty này là dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên; cung cấp lao động chuyên ngành dầu khí.

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên kết của Tổng Công ty được trình bày như sau:

	31/12/2011	31/12/2010
	VNĐ	VNĐ
Đầu tư vào các công ty liên kết	98.000.000.000	-
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ có tức được chia	3.882.818.736	-
Tổng cộng	101.882.818.736	-
Tổng tài sản	340.318.953.168	-
Tổng công nợ	(132.394.833.298)	-
Tài sản thuần	207.924.119.870	-
Phần tài sản thuần khoản đầu tư vào công ty liên kết	101.882.818.736	-
	2011	2010
	VNĐ	VNĐ
Doanh thu thuần	387.954.782.778	-
Lợi nhuận thuần	26.074.178.549	-
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	12.776.347.489	-

14. GÓP VỐN LIÊN DOANH

Đầu tư góp vốn liên doanh thể hiện số vốn đầu tư vào Công ty TNHH PVTrans Emas. Công ty TNHH PVTrans Emas được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3501702083 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 23 tháng 9 năm 2010 và thay đổi ngày 8 tháng 12 năm 2011. Tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 2.050.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tổng Công ty đã góp 1.025.000.000 đồng, tương ứng với 50% tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Hoạt động chính của công ty này là sửa chữa và bảo dưỡng tàu biển, cấu kiện nổi; dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên.

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2011	31/12/2010
	VNĐ	VNĐ
Bệnh viện Hữu Nghị	547.845.136	1.205.259.300
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu liên hợp Công nghiệp Dầu khí - Long Sơn	10.011.000.000	10.011.000.000
PV KEEZ Pte Ltd	45.937.767.300	45.937.767.300
	56.496.612.436	57.154.026.600

411208
 CHẾ
 GÓI
 SỔ CHỨNG
 NHẬN
 DEL
 VIỆT
 (TP.
 HỒ CHÍ MINH)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Khoản đầu tư vào Bệnh viện Hữu nghị tại thành phố Hà Nội thể hiện khoản vốn góp mua máy chụp cắt lớp vi tính sáu mươi bốn lớp theo Hợp đồng góp vốn số 04/HĐGV-2006 tại Hà Nội. Tổng Công ty có quyền sở hữu tham gia và biểu quyết tất cả các vấn đề liên quan đối với tài sản được hình thành từ vốn góp tương ứng với phần vốn góp trên tổng giá trị tài sản.

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Khu liên hợp Công nghiệp Dầu khí - Long Sơn thể hiện khoản góp vốn theo Biên bản số 3845/BB-DKVN ngày 3 tháng 7 năm 2008 của Petro Việt Nam về việc thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Khu liên hợp Công nghiệp Dầu khí - Long Sơn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã góp 10.011.000.000 đồng, tương ứng 1% vốn góp.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 16 tháng 7 năm 2010, Tổng Công ty được phép liên doanh với 3 công ty nước ngoài thành lập công ty PV KEEZ PTE. LTD tại Singapore với mục đích cung cấp tàu chứa và xử lý dầu thô cho mỏ Chím Sáo và Dừa. Tổng vốn đầu tư của dự án là 405 triệu đô la Mỹ, trong đó, vốn đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư Việt Nam là 9 triệu đô la Mỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tổng Công ty đã góp 2.389.343 đô la Mỹ.

16. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tổng Công ty trích lập dự phòng 100% cho khoản lỗ của Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Thủy bộ Dung Quất - Vinashin với số tiền 6.356.637.324 đồng do công ty này đã ngừng hoạt động và đang thực hiện thủ tục giải thể. Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá các khoản đầu tư dài hạn khác và không có khoản đầu tư nào giảm giá.

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2011	31/12/2010
	VNĐ	VNĐ
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	127.739.514.401	178.655.744.261
Chi phí trả trước về công cụ dụng cụ	12.402.720.336	3.949.372.707
Chi phí dài hạn khác	45.581.525.695	10.106.389.620
	<u>185.723.760.432</u>	<u>192.711.506.588</u>

18. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Tổng Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và năm trước:

	Chi phí phải trả và dự phòng VNĐ	Lỗ được chuyển VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1/1/2010	566.895.278	228.421.764	795.317.042
Tính vào lợi nhuận trong năm	130.965.267	(228.421.764)	(97.456.497)
Tại ngày 31/12/2010	697.860.545	-	697.860.545
Tính vào lợi nhuận trong năm	784.645.513	-	784.645.513
Tại ngày 31/12/2011	<u>1.482.506.058</u>	<u>-</u>	<u>1.482.506.058</u>

372
KINH
TY
KHU
ITT
NAI
NOD
5 C

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

19. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn	171.253.056.000	339.665.376.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số 21)	614.228.457.551	589.741.520.496
	785.481.513.551	929.406.896.496

Vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 thể hiện các khoản vay từ các ngân hàng thương mại và tổ chức tài chính khác với tổng hạn mức vay là 206.000.000.000 đồng và mức lãi suất tiền vay một năm từ 6,8% đến 20% một năm (năm 2010: 6,8% đến 10,5% một năm). Khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam được đảm bảo bằng một số phương tiện vận tải và khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á - Chi nhánh Sài Gòn được đảm bảo bằng khoản tiền gửi kỳ hạn tại các ngân hàng này với số tiền là 50 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tổng Công ty đang vay nợ với tổng số tiền là 171.253.056.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 102.826.056.000 đồng và 12.510.000 đô la Mỹ).

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	19.470.423.034	9.595.763.259
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	13.629.754.859	8.712.665.122
Thuế khác	12.652.280.774	10.865.536.236
	45.752.458.667	29.173.964.617

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Tổng Công ty đã ký một số hợp đồng vay dài hạn các ngân hàng thương mại và tổ chức tài chính với tổng hạn mức tín dụng là 1.086.584.166.800 đồng, 181.166.702 đô la Mỹ và 15.697.500.000 yên Nhật (tương đương 183.973.519 đô la Mỹ). Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số phương tiện vận chuyển của Tổng Công ty cùng doanh thu về cước tàu của Công ty Thái Bình Dương và phần vốn góp của Tổng Công ty trong công ty này. Tổng Công ty phải chịu lãi suất lãi tiền vay từ 4,34% đến 6,68% một năm cho khoản vay bằng tiền đô la Mỹ và lãi suất kỳ hạn 12 tháng cộng 2,88% - 4,5% một năm hoặc lãi suất là 4,9% một năm cho khoản vay bằng tiền đồng Việt Nam.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Trong vòng một năm	614.228.457.551	589.741.520.496
Trong năm thứ hai	494.784.333.206	594.956.415.297
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.412.222.954.737	1.518.752.355.183
Sau năm năm	1.610.386.331.102	1.059.839.558.886
	4.131.622.076.596	3.763.289.849.862
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(614.228.457.551)	(589.741.520.496)
Số phải trả sau 12 tháng	3.517.393.619.045	3.173.548.329.366

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU	31/12/2011	31/12/2010
<u>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</u>	<u>232.600.000</u>	<u>232.600.000</u>
+ Cổ phiếu phổ thông	232.600.000	232.600.000
<u>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</u>	<u>232.600.000</u>	<u>232.600.000</u>
+ Cổ phiếu phổ thông	232.600.000	232.600.000

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty.

Chi tiết cổ phần sở hữu của các cổ đông lớn tại ngày khóa sổ như sau:

	Tại ngày 31/12/2011 và 31/12/2010	
	VNĐ	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.358.499.460.000	58,4
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu Khí Việt Nam	193.485.380.000	8,3

Chi tiết thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn điều lệ VNĐ	Chênh lệch tỉ giá hối đoái VNĐ	Quý đầu tư và phát triển VNĐ	Quý dự phòng tài chính VNĐ	Quý khác VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Tại ngày 1/1/2010	1.476.000.000.000	(112.826.981.715)	21.356.553.290	4.749.579.524	1.199.727.349	46.427.244.294	1.436.906.122.742
Tăng vốn trong năm	850.000.000.000	-	-	-	-	-	850.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	75.058.814.557	75.058.814.557
Phân bổ vào kết quả kinh doanh	-	132.486.409.386	-	-	-	-	132.486.409.386
Chênh lệch tỉ giá đánh giá lại cuối năm	-	(140.046.443.568)	-	-	-	-	(140.046.443.568)
Tăng khác	-	-	-	-	-	382.688.492	382.688.492
Phân phối quỹ	-	-	21.833.776.953	12.136.103.523	1.217.042.093	(43.010.956.484)	(7.824.033.515)
Giảm khác	-	(4.780.171.762)	-	-	(10.178.572)	-	(4.790.350.334)
Tại ngày 31/12/2010	2.326.000.000.000	(125.167.187.659)	43.190.330.243	16.885.683.047	2.406.599.870	78.857.790.859	2.342.178.207.569
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	25.284.687.240	25.284.687.240
Phân bổ vào kết quả kinh doanh	-	192.116.792.349	-	-	-	-	192.116.792.349
Chênh lệch tỉ giá đánh giá lại cuối năm	-	(332.566.751.016)	-	-	-	-	(332.566.751.016)
Phân phối quỹ	-	-	73.294.843.108	1.814.374.782	471.765.472	(78.021.997.491)	(2.351.014.149)
Hoàn nhập quỹ	-	-	(20.523.483.091)	(1.231.300.519)	-	22.147.573.266	392.789.656
Giảm khác	-	53.796.543.275	(443.851.543)	(221.925.771)	-	(1.732.335.514)	49.298.420.447
Tại ngày 31/12/2011	2.326.000.000.000	(211.820.603.051)	85.617.838.717	17.246.831.519	2.878.356.342	44.535.718.360	2.276.448.141.887

23. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định như sau:

	Công ty Vàng Tàu VNĐ	Công ty Hà Nội VNĐ	Công ty Phương Nam VNĐ	Công ty Thái Bình Dương VNĐ	Công ty Quảng Trị VNĐ	Công ty Đông Dương VNĐ	Công ty Cầu Long VNĐ	Công ty Phương Đông VNĐ
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010								
Vốn điều lệ của công ty con	76.000.000.000	71.067.536.335	382.565.079.405	942.750.280.000	300.000.000.000	190.000.000.000	230.000.000.000	140.000.000.000
Trong đó:								
Vốn phân bổ cho Tổng Công ty	76.000.000.000	71.067.536.335	205.632.000.000	612.000.000.000	218.324.000.000	38.670.000.000	52.037.720.000	75.974.870.000
Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	-	-	176.933.079.405	330.750.280.000	81.676.000.000	61.330.000.000	177.962.280.000	64.025.130.000
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	0%	0%	46,25%	35,08%	27,23%	61,33%	77,37%	45,73%
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011								
Vốn điều lệ của công ty con	76.221.682.000	76.100.000.000	382.565.080.000	942.750.280.000	300.000.000.000	190.000.000.000	230.000.000.000	140.000.000.000
Trong đó:								
Vốn phân bổ cho Tổng Công ty	76.000.000.000	77.800.000.000	205.632.000.000	612.000.000.000	283.209.000.000	38.670.000.000	52.037.720.000	75.974.870.000
Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	231.682.000	300.000.000	176.933.080.000	330.750.280.000	96.791.000.000	61.330.000.000	177.962.280.000	64.025.130.000
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	0,30%	0,38%	46,25%	35,08%	22,26%	61,33%	77,37%	45,73%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

MẪU B 09-DN

Lợi ích của cổ đông thiểu số:

	Công ty Vũng Tàu	Công ty Hải Hậu	Công ty Phước Nam	Công ty Thái Bình Dương	Công ty Quốc tế	Công ty Đông Dương	Công ty Cần Giờ	Công ty Phước Đông Việt	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010									
Vốn của cổ đông thiểu số	-	-	176.933.879.465	336.750.280.000	106.176.000.000	61.330.000.000	177.902.280.000	64.025.130.000	917.176.769.465
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-	-	218.661.179	218.661.179
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	(42.304.744.492)	(5.478.366.446)	-	-	-	(19.480.142.529)	(71.720.153.467)
Quy định và phát triển	-	-	-	5.760.812.607	2.398.413.402	-	-	-	12.159.226.013
Quy định phòng tài chính	-	-	-	1.315.180.425	1.199.206.707	-	-	-	2.514.387.132
Quy định khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	657.740.218	-	-	-	-	657.740.218
Lợi nhuận chưa phân phối	-	(37.661.084.549)	7.628.718.579	13.354.517.937	339.096.679	339.096.679	35.512.877	(27.711.788.797)	(14.014.487.074)
	-	46.297.349.964	249.634.839.393	323.128.138.445	41.649.696.679	177.997.792.977	17.895.899.853	794.993.943.811	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011									
Vốn của cổ đông thiểu số	231.612.000	300.000.000	176.933.880.000	336.750.280.000	121.291.000.000	61.330.000.000	177.902.280.000	64.025.130.000	922.821.452.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-	-	300.000.000	300.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	(33.841.335)	(54.676.059.059)	(30.048.466.517)	-	-	-	(20.543.233.835)	(125.301.590.740)
Quy định và phát triển	-	-	-	1.786.130.692	1.649.297.131	-	-	-	3.435.427.823
Quy định phòng tài chính	-	-	-	834.648.546	-	-	-	-	834.648.546
Quy định khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	697.340.218	-	-	-	-	697.340.218
Lợi nhuận chưa phân phối	12.240.190	3.503.554	(83.437.674.991)	109.039.837	26.517.439.305	(4.864.670.782)	1.791.436.825	(27.380.735.879)	(91.447.203.821)
	243.852.190	303.503.554	163.496.205.009	338.536.719.837	153.212.948.605	56.465.329.218	179.693.716.825	6.343.178.246	731.933.448.840

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm:

	Công ty Vũng Tàu	Công ty Hải Hậu	Công ty Phước Nam	Công ty Thái Bình Dương	Công ty Quốc tế	Công ty Đông Dương	Công ty Cần Giờ	Công ty Phước Đông Việt	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Năm 2010									
Lợi nhuận (lỗ) trong năm	-	-	(80.061.480.367)	21.744.487.908	38.193.843.179	346.615.151	4.783.378.196	(46.635.937.997)	(61.732.353.529)
Lợi nhuận (lỗ) của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh	-	-	(37.627.790.315)	7.628.718.579	18.664.301.608	159.839.333	3.701.567.662	(21.336.412.583)	(36.210.119.735)
Năm 2011									
Lợi nhuận (lỗ) trong năm	3.835.437.116	1.007.713.155	504.680.043	110.800.452	48.376.468.936	(2.417.282.339)	2.340.397.285	389.872.604	61.537.761.540
Lợi nhuận (lỗ) của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh	10.744.839	3.870.857	233.410.207	109.039.837	20.595.075.709	(1.482.517.271)	1.755.941.979	168.785.151	21.354.381.305

24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 4 bộ phận hoạt động - Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải, Bộ phận kinh doanh dịch vụ cung cấp kho nổi, Bộ phận kinh doanh thương mại và Bộ phận kinh doanh dịch vụ khác. Tổng Công ty lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận theo bốn bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của bốn bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải - kinh doanh vận tải bằng tàu và xe taxi
- Bộ phận kinh doanh dịch vụ cung cấp kho nổi - kinh doanh cung cấp kho nổi cho mỏ dầu
- Bộ phận kinh doanh thương mại - kinh doanh mua bán mặt hàng LPG, xăng dầu và hàng hóa khác
- Bộ phận kinh doanh dịch vụ khác

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Năm 2011
Bảng cân đối kế toán

	Dịch vụ vận tải VND	Cung cấp kho nổi VND	Thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Tổng VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	4.669.137.753.893	365.050.080.774	1.623.096.558	1.690.914.929	5.037.501.846.154
Lãi từ công ty liên kết	-	-	-	-	3.882.818.736
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	2.987.511.342.345
Tổng tài sản hợp nhất					8.028.896.007.235
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	4.120.589.663.375	228.181.329.123	-	-	4.348.770.992.498
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	683.754.406.810
Tổng nợ phải trả hợp nhất					5.032.525.399.308

2132
HVN
KCT
EMH
JIT
N
IA NC
100

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Dịch vụ vận tải VND	Cung cấp kho nổi VND	Thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Tổng VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.561.257.475.199	210.202.115.835	1.121.902.632.917	264.089.603.024	4.157.451.826.975
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu	<u>2.561.257.475.199</u>	<u>210.202.115.835</u>	<u>1.121.902.632.917</u>	<u>264.089.603.024</u>	<u>4.157.451.826.975</u>
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Lợi nhuận gộp	282.199.736.528	43.266.392.921	4.855.116.341	67.205.320.752	397.526.566.542
Chi phí không phân bổ					(137.037.805.359)
Lỗ từ hoạt động kinh doanh					260.488.761.183
Doanh thu hoạt động tài chính					264.614.011.333
Lợi nhuận khác					18.230.307.631
Chi phí tài chính					(472.222.288.408)
Lợi nhuận trước thuế					71.110.791.739
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					48.718.794.330
Lợi nhuận trong năm					<u>48.718.794.330</u>
Thông tin khác					<u>406.921.517.435</u>
Khấu hao					

Năm 2010

Bảng cân đối kế toán

	Dịch vụ vận tải VND	Cung cấp kho nổi VND	Thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Tổng VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	4.947.516.711.681	371.545.028.728	9.536.921.007	1.863.061.917	5.330.461.723.333
Tài sản không phân bổ					2.430.470.940.844
Tổng tài sản hợp nhất					<u>7.760.932.664.177</u>
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	3.879.029.147.791	252.531.433.923	-	-	4.131.560.581.714
Nợ phải trả không phân bổ					520.205.312.292
Tổng nợ phải trả hợp nhất					<u>4.651.765.894.006</u>

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Dịch vụ vận tải VND	Cung cấp kho nổi VND	Thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Tổng VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.500.433.273.956	184.273.843.479	756.034.461.872	95.360.633.204	3.536.102.212.511
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu	<u>2.500.433.273.956</u>	<u>184.273.843.479</u>	<u>756.034.461.872</u>	<u>95.360.633.204</u>	<u>3.536.102.212.511</u>
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Lợi nhuận gộp	303.790.015.209	24.615.077.858	22.234.441.391	15.473.216.516	366.112.750.974
Chi phí không phân bổ					(117.406.255.577)
Lỗ từ hoạt động kinh doanh					248.706.495.397
Doanh thu hoạt động tài chính					160.464.651.832
Lợi nhuận khác					506.549.275
Chi phí tài chính					(348.038.778.444)
Lợi nhuận trước thuế					61.638.918.060
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(22.692.766.761)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(97.456.497)
Lợi nhuận trong năm					<u>38.848.694.802</u>
Thông tin khác					<u>423.686.636.981</u>
Khấu hao					



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

25. DOANH THU THUẬN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	2011	2010
	VND	VND
Dịch vụ vận tải	2.561.257.475.199	2.500.433.273.956
Dịch vụ cung cấp kho nổi	210.202.115.835	184.273.843.479
Thương mại	1.121.902.632.917	756.034.461.872
Dịch vụ khác	264.089.603.024	95.360.633.204
	<u>4.157.451.826.975</u>	<u>3.536.102.212.511</u>

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP	2011	2010
	VND	VND
Dịch vụ vận tải	2.280.125.792.579	2.196.643.258.747
Dịch vụ cung cấp kho nổi	166.935.722.914	159.658.765.621
Thương mại	1.119.811.848.729	733.800.020.481
Dịch vụ khác	196.884.282.272	79.887.416.688
	<u>3.763.757.646.494</u>	<u>3.169.989.461.537</u>

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ	2011	2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.533.770.614.060	1.147.774.119.523
Chi phí nhân công	293.856.509.485	251.998.472.613
Chi phí khấu hao tài sản cố định	406.921.517.435	423.686.636.981
Chi phí dịch vụ mua ngoài	889.436.597.565	854.492.027.525
Chi phí khác	221.406.294.217	142.393.433.722
	<u>3.345.391.532.762</u>	<u>2.820.344.690.364</u>

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	2011	2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, tiền ủy đầu tư	195.392.516.221	137.825.365.838
Lãi đầu tư cổ phiếu	128.947.500	83.100.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.292.042.656	1.453.274.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	54.417.896.325	16.466.733.594
Doanh thu hoạt động tài chính khác	575.150.031	4.636.178.400
	<u>251.806.552.733</u>	<u>160.464.651.832</u>

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	2011	2010
	VND	VND
Chi phí lãi vay	166.998.351.691	135.020.543.878
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	92.137.558.986	51.866.680.995
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	192.116.792.349	164.519.560.670
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	1.563.199.775	(3.684.003.769)
Chi phí tài chính khác	19.406.385.607	315.996.670
	<u>472.222.288.408</u>	<u>348.038.778.444</u>



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	65.663.655.534	61.638.918.060
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(1.181.893.457)	(104.246.505.412)
Trừ: Lãi đầu tư vào công ty liên kết	(12.776.347.489)	-
Cộng: Các khoản lỗ của công ty con	25.553.473.386	126.717.437.960
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	19.465.679.237	12.548.275.616
Thu nhập chịu thuế	96.724.567.211	96.658.126.224
Lỗ năm trước mang sang	(6.179.640.330)	(5.887.059.181)
Thu nhập chịu thuế đã điều chỉnh	90.544.926.881	90.771.067.043
Thuế suất hiện hành	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.636.231.721	22.692.766.761
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	540.411.201	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sau điều chỉnh	23.176.642.922	22.692.766.761

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được tính trong năm như sau:

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Lợi nhuận trong năm	43.271.658.125	38.848.694.802
Phân bổ cho:		
- Lợi ích của cổ đông thiểu số	17.986.970.885	(36.210.119.755)
- Cổ đông của Tổng công ty	25.284.687.240	75.058.814.557
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	25.284.687.240	71.305.873.829
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền để tính lãi trên cổ phiếu cơ bản	232.600.000	207.672.377
Lãi cơ bản trên cổ phiếu cơ bản	109	343

32. CÁC KHOẢN CAM KẾT VỐN

Vào ngày 27 tháng 2 năm 2011, Tổng Công ty đã ký hợp đồng đóng mới 1 tàu chở dầu thô trọng tải 104.000 DWT với Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam và Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất, gọi tắt là bên Bán. Tổng Công ty đã thực hiện tạm ứng theo Hợp đồng cho bên Bán với số tiền 158.595.459.854 đồng nhằm chuẩn bị cho việc đóng mới tàu con tàu này. Trị giá của hợp đồng này sẽ do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam quyết định, bao gồm giá thẩm định của Bộ tài chính cộng với toàn bộ chi phí hoàn thiện tàu.

Tổng Công ty Vận tải Dầu khí đã ký kết hợp đồng đóng tàu với Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất và chuyển giao cho Công ty. Giá trị ước tính của con tàu là 84.288.802 đô la Mỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, tổng chi phí phát sinh liên quan đến việc đóng tàu là 997.848.347.182 đồng (tương đương 58.598.049 đô la Mỹ).

33. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Chi phí thuế hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	286.632.772.951	194.949.520.016

(12/13)
BẢNG
CỘNG T
HỢP
LOTT
T. N.
HÀ NI
1/1/11

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Tại ngày kết thúc niên độ, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Trong vòng một năm	30.979.231.766	102.997.746.217
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	33.930.585.326	357.762.052.735
Sau năm năm	28.381.155.626	286.930.892.976
	<u>93.290.972.717</u>	<u>747.690.691.928</u>

Thuế hoạt động thể hiện các khoản thuế đất, thuế văn phòng và thuế cơ sở hạ tầng của Tổng Công ty và các công ty con. Các khoản thuế văn phòng được ký cho các giai đoạn từ ba năm đến bảy năm. Các khoản thuế đất được ký với thời hạn từ năm đến bốn mươi năm và khoản thuế cơ sở hạ tầng được ký với thời hạn là 20 năm.

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 và 21, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, chênh lệch tỷ giá hối đoái, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	819.863.449.693	1.098.494.491.090
Đầu tư tài chính ngắn hạn	471.947.307.700	189.150.481.904
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	849.468.765.802	541.120.746.610
Đầu tư tài chính dài hạn	56.496.612.436	57.154.026.600
Tài sản tài chính khác	17.276.434.478	4.494.909.078
Tổng cộng	<u>2.215.052.570.109</u>	<u>1.890.414.655.282</u>
Công nợ tài chính		
Vay và nợ ngắn hạn	785.481.513.551	929.406.896.496
Phải trả người bán và các khoản phải trả khác	508.347.521.641	371.926.607.362
Chi phí phải trả	108.533.793.135	119.036.926.363
Vay và nợ dài hạn	3.517.393.619.045	3.173.548.329.366
Tổng cộng	<u>4.919.756.447.372</u>	<u>4.593.918.759.587</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	3.575.627.386.396	3.932.309.687.687	215.754.705.446	121.504.483.549
Euro (EUR)	-	-	8.959.372	11.015.433
Yên nhật (JPY)	-	-	27.543	-

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh và công ty liên kết. Các khoản đầu tư này được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1 năm trở lên VNĐ	Tổng VNĐ
31/12/2011			
Vay và nợ ngắn hạn	785.481.513.551	-	785.481.513.551
Phải trả người bán và phải trả khác	508.347.521.641	-	508.347.521.641
Chi phí phải trả	108.533.793.135	-	108.533.793.135
Vay và nợ dài hạn		- 3.517.393.619.045	3.517.393.619.045
31/12/2010			
Vay và nợ ngắn hạn	929.406.896.496	-	929.406.896.496
Phải trả người bán và phải trả khác	371.926.607.362	-	371.926.607.362
Chi phí phải trả	119.036.926.363	-	119.036.926.363
Vay và nợ dài hạn		- 3.173.548.329.366	3.173.548.329.366

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1 năm trở lên VNĐ	Tổng VNĐ
31/12/2011			
Tiền và các khoản tương đương tiền	819.863.449.693	-	819.863.449.693
Đầu tư tài chính ngắn hạn	471.947.307.700	-	471.947.307.700
Phải thu khách hàng và phải thu khác	849.468.765.802	-	849.468.765.802
Đầu tư tài chính dài hạn	-	56.496.612.436	56.496.612.436
Tài sản tài chính khác	483.449.000	16.792.985.478	17.276.434.478
31/12/2010			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.098.494.491.09	-	1.098.494.491.09
Đầu tư tài chính ngắn hạn	189.150.481.904	-	189.150.481.904
Phải thu khách hàng và phải thu khác	541.120.746.610	-	541.120.746.610
Đầu tư tài chính dài hạn	-	57.154.026.600	57.154.026.600
Tài sản tài chính khác	426.641.240	4.068.267.838	4.494.909.078

W/R
INH
ONG
HEM
LOI
VI
HA
PH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau đây với các bên liên quan:

	2011	2010
	VND	VND
Dịch vụ cung cấp		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	<u>1.984.712.031.545</u>	<u>2.091.704.994.837</u>
Chi phí lãi vay		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	<u>44.749.164.520</u>	<u>9.282.417.307</u>
Góp vốn trong năm		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	490.769.460.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	-	<u>42.611.680.000</u>

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:


	2011	2010
	VND	VND
Lương	3.473.746.839	3.152.387.809
Thưởng	<u>1.937.000.069</u>	<u>1.343.523.000</u>
	<u>5.410.746.908</u>	<u>4.495.910.809</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	<u>1.128.253.125.340</u>	<u>346.418.187.579</u>
Các khoản phải trả		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	<u>188.827.874.156</u>	<u>97.186.626.131</u>
Các khoản vay phải trả		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	<u>1.059.023.230.202</u>	<u>878.660.260.825</u>



Phạm Việt Anh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 10 tháng 4 năm 2012


 Nguyễn Thị Kim Anh
 Kế toán trưởng